



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

(Dành cho khách hàng)

Tháng 04/2014



**MỤC LỤC**

1.1	Tải chương trình	6
1.2	Giao diện	6
1.3	Thanh Menu	6
1.4	Thanh công cụ.....	9
2	QUẢN LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG.....	10
2.1	Các chỉ số.....	12
2.2	Dữ liệu phân tích kỹ thuật.....	13
2.3	Thông tin CP đầy đủ.....	14
2.4	Đồ thị 1 phút	16
2.5	Dữ liệu phân tích	17
2.6	Thông tin CP đơn giản.....	18
2.7	Nhật ký giao dịch.....	19
2.8	Đồ thị	21
2.9	Xếp hạng	32
2.10	Danh sách xem.....	33
2.11	Báo động giá	33
2.12	Thanh thông tin.....	35
2.13	Tin tức mới.....	36
2.14	Tiêu đề tin.....	37
2.15	Lọc cổ phiếu	37
2.16	Tổng quan thị trường.....	38
2.17	Thông tin giao dịch thỏa thuận	39
3	QUẢN LÝ GIAO DỊCH.....	40
3.12	Quản lý tài khoản (FO_AM).....	40
3.12.1	Đăng nhập (FO_AM_LI)	40
3.12.2	Thay đổi mật khẩu đăng nhập (FO_AM_CP)	40
3.12.3	Thay đổi mã PIN đặt lệnh	41
3.12.4	Thay đổi kiểu xác thực	42
3.12.5	Quên mật khẩu đăng nhập (FO_AM_FP)	44
3.12.6	Quản lý thông tin tài khoản (FO_AM_AI)	44
3.13	Quản lý Giao dịch (FO_TF)	53
3.13.1	Quản lý đặt lệnh thường (FO_TF_OE)	53
3.13.2	Quản lý trạng thái lệnh (FO_TF_OS)	57



3.13.3	Quản lý đặt lệnh có điều kiện (FO_TF_COO)	58
3.13.4	Quản lý trạng thái lệnh đặt có điều kiện (FO_TF_COO_OM)	60
3.14	<i>Quản lý danh mục tài sản (FO_CM)</i>	61
3.14.1	Quản lý danh mục đầu tư (FO_CM_PM)	61
3.14.2	Quản lý lịch sử đặt lệnh (FO_CM_OH)	64
3.14.3	Quản lý sao kê tiền (FO_CM_CAH)	65
3.14.4	Quản lý sao kê chứng khoán (FO_CM_SEH)	66
3.14.5	Quản lý thông tin nợ (FO_CM_DI)	67
3.15	<i>Quản lý chức năng tiện ích (FO_UF)</i>	68
3.15.1	Quản lý chức năng ứng trước tiền bán (FO_UF_CA)	68
3.15.2	Quản lý chức năng chuyển tiền (FO_UF_MT)	71
3.15.3	Quản lý chức năng bán CP lô lẻ (FO_UF_SOR)	76
3.15.4	Quản lý chức năng thực hiện quyền mua (FO_UF_RIR)	78



1. Giao diện hệ thống	6
2. Thanh menu	6
3. Thanh công cụ	9
4. Màn hình đăng nhập hệ thống	40
5. Thay đổi mật khẩu đăng nhập	41
6. Thay đổi mã PIN đặt lệnh	42
7. Thao tác vào thay đổi kiểu xác thực	43
8. Thay đổi từ Dừng mã PIN --> Dừng Token	43
9. Thay đổi từ Dừng Token → Dừng mã PIN	44
10. Màn hình quên mật khẩu đăng nhập	44
11. Thao tác vào xem thông tin tài khoản	44
12. Xem thông tin tài khoản	45
13. Màn hình đăng ký sửa thông tin	45
14. Xem thông tin người ủy quyền	46
15. Thao tác vào màn hình thông tin đăng ký dịch vụ GDĐT	46
16. Màn hình đăng ký sử dụng dịch vụ GDĐT lần đầu	47
17. Màn hình xác nhận đăng ký	47
18. Màn hình đăng ký thông tin GDĐT	48
19. Màn hình xem lại chi tiết thông tin đăng ký GDĐT	48
20. Màn hình thay đổi thông tin đăng ký GDĐT	49
21. Màn hình hủy đăng ký GDĐT	49
22. Thao tác vào xem danh sách TK nội bộ	50
23. Màn hình xem danh sách TK nội bộ	50
24. Thao tác vào xem danh sách TK ngân hàng đăng ký trước	51
25. Màn hình xem danh sách TK ngân hàng	51
26. Thao tác vào xem danh sách đa tài khoản	52
27. Màn hình xem danh sách đa tài khoản	52
28. Thao tác vào đặt lệnh	53
29. Đặt lệnh Mua/ Bán	53
30. Đặt lệnh Mua/ Bán từ màn hình xem chi tiết mã CK	54
31. Đặt lệnh mua/ bán thường từ màn hình hiển thị nhanh	54
32. Đặt lệnh Mua với KL vượt quá cho phép	54
33. Chia lệnh tự động	55
34. Xác nhận đặt lệnh	55
35. Đặt Mua nhóm lệnh	56
36. Đặt nhóm lệnh	56
37. Xác nhận lệnh đặt nhóm	56
38. Xác nhận đã nhận lệnh	57
39. Danh sách lệnh đặt trong ngày	57
40. Thao tác xem danh sách trạng thái lệnh đặt	58
41. Đặt lệnh có điều kiện	59
42. Chọn loại lệnh điều kiện	59
43. Thao tác xem màn hình quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện	60
44. Quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện	60
45. Lọc theo trạng thái lệnh	61
46. Lọc theo loại lệnh đặt	61
47. Thao tác xem thông tin danh mục đầu tư	62
48. Quản lý danh mục đầu tư TK thường	62
49. Quản lý danh mục đầu tư TK Margin	62
50. Quản lý số dư tiền TK thường	63
51. Quản lý số dư tiền TK Margin	63
52. Quản lý số dư CK TK thường	63
53. Quản lý số dư CK TK Margin	63
54. Quản lý tình trạng sức mua TK Margin	64
55. Thao tác xem danh sách lịch sử đặt lệnh	64



56. Quản lý lịch sử đặt lệnh.....	64
57. Lọc theo trạng thái lệnh.....	65
58. Lọc theo kênh đặt lệnh.....	65
59. Thao tác xem sao kê tiền.....	65
60. Sao kê tiền TK thường.....	66
61. Sao kê tiền TK Margin.....	66
62. Thao tác xem sao kê chứng khoán.....	66
63. Sao kê chứng khoán.....	67
64. Thao tác xem thông tin nợ.....	67
65. Thao tác vào thực hiện tạo yêu cầu ứng trước tiền bán.....	68
66. Yêu cầu ứng trước tiền bán.....	68
67. Màn hình xem chi tiết khớp lệnh bán.....	68
68. Xác nhận yêu cầu ứng trước tiền bán.....	69
69. Thao tác vào xem trạng thái các yêu cầu ứng trước.....	69
70. Xem trạng thái các yêu cầu ứng trước.....	69
71. Thao tác vào xem danh sách lịch sử ứng trước.....	70
72. Xem danh sách lịch sử ứng tiền.....	70
73. Hỗ trợ lọc thông tin theo trạng thái yêu cầu ứng tiền.....	70
74. Thao tác vào tạo yêu cầu chuyển tiền.....	71
75. Yêu cầu chuyển tiền ngân hàng cùng tên.....	71
76. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền.....	72
77. Yêu cầu chuyển tiền đến ngân hàng đăng ký trước.....	72
78. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền.....	72
79. Yêu cầu chuyển tiền đến TK nội bộ.....	73
80. Xem danh sách TK nội bộ.....	73
81. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền.....	73
82. Thao tác vào xem danh sách trạng thái chuyển tiền.....	74
83. Danh sách trạng thái lệnh chuyển tiền.....	74
84. Xem chi tiết thông tin chuyển tiền.....	74
85. Thao tác vào xem danh sách lịch sử chuyển tiền.....	75
86. Xem danh sách lịch sử chuyển tiền.....	75
87. Nội dung lệnh chuyển tiền bị từ chối.....	75
88. Thao tác vào đăng ký bán CP lô lẻ.....	76
89. Màn hình đăng ký bán CP lô lẻ.....	76
90. Xác nhận đăng ký bán CP lô lẻ.....	76
91. Thao tác vào xem trạng thái bán CP lô lẻ.....	77
92. Xem trạng thái bán CP lô lẻ.....	77
93. Thao tác vào xem lịch sử bán CP lô lẻ.....	78
94. Thao tác xem thông tin quyền.....	78
95. Xem thông tin quyền.....	79
96. Đăng ký thực hiện quyền mua.....	79
97. Xác nhận đăng ký thực hiện quyền mua.....	79
98. Thao tác xem trạng thái thực hiện quyền.....	80
99. Xem danh sách trạng thái đăng ký thực hiện quyền.....	80
100. Xem lịch sử hưởng quyền.....	81

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



GỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG PRO TRADING SYSTEM (HTS)

1.1 Tải chương trình

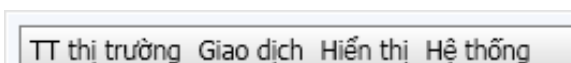
Để bắt đầu sử dụng, khách hàng tải bản cài đặt theo đường dẫn <http://protrading.ssi.com.vn>

1.2 Giao diện



1. Giao diện hệ thống

1.3 Thanh Menu



2. Thanh menu

Nhấn Alt trái để bật/ tắt thanh menu

TT thị trường	Diễn giải
Chỉ số	Giá đầy đủ của các chỉ số với Đồ thị thời gian thực, Đồ thị 30 ngày và dữ liệu phân tích.
Thông tin cổ phiếu đầy đủ	Giá đầy đủ với Đồ thị thời gian thực, Đồ thị 30 ngày, Nhật ký giao dịch và Log KL Mua/Bán
Thông tin cổ phiếu đơn giản	Tương tự với thông tin cổ phiếu đầy đủ.
Nhật ký giao dịch	Dữ liệu thời gian và giao dịch trong ngày
Đồ thị	Đồ thị lịch sử & Phân tích kỹ thuật



TT thị trường	Diễn giải
Xếp hạng	Xếp hạng top 20 – Tất cả, HOSE, HNX và UPCOM
Danh sách xem	Danh sách giá các cổ phiếu ưa thích
Báo động giá	Thiết lập báo động Giá/Khối lượng hay Nghiên cứu kỹ thuật
Thanh thông tin	Cung cấp dữ liệu chỉ số: VNIDX, HNXIDX, UPCOMIDX, VN30IDX, HNX30IDX
Tin tức mới	Tiêu đề tin với tính năng tìm kiếm
Tiêu đề tin	100 tiêu đề tin gần nhất
Lọc cổ phiếu	Tìm kiếm các cổ phiếu bằng cách chỉ định nhiều điều kiện.
Tổng quan thị trường	Một biểu đồ hiển thị sự thay đổi tất cả các cổ phiếu ở mỗi thị trường. Biểu đồ này cho phép bạn nhìn tổng quan thị trường nhanh chóng.
Giao dịch thỏa thuận	Dữ liệu dư mua, dư bán và các giao dịch thỏa thuận khớp trong ngày của sàn HOSE

Hiển thị	Diễn giải
Trống	Hiển thị trống
Tải	Tải giao diện đã chọn  Nhấp nút Thiết lập để cài đặt giao diện đã lựa chọn.
Lưu	Lưu giao diện hiện tại hay xóa giao diện đã lựa chọn

Hiện thị	Diễn giải
	
Giao diện sẵn có [F1] - [F8]	Tải giao diện sẵn có.
Giao diện của người dùng [F9]	Tải giao diện người dùng.

Hệ thống	Diễn giải
Đổi mật khẩu	
Cấu hình	
Đăng thoát	Thoát khỏi chương trình



1.4 Thanh công cụ



3. Thanh công cụ

Hiển thị	Diễn giải
	Hiển thị menu công cụ.
	Ẩn menu công cụ.
	Di chuyển cửa sổ cổ phiếu rút gọn ra sau.
	Di chuyển cửa sổ cổ phiếu rút gọn tới trước.
	Đóng/mở cửa sổ thu nhỏ.
	Thay đổi ngôn ngữ.
	Tạm dừng cuộn.
	Tiếp tục cuộn.
	Nhóm thanh công cụ và workspace.
	Bỏ nhóm thanh công cụ và workspace.
	Thay đổi thanh công cụ ngang/dọc.
	Thu nhỏ cửa sổ ứng dụng.
	Đóng chương trình.
	Mở cảnh báo.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



2 QUẢN LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Hiển thị	Diễn giải
	Thông tin cổ phiếu đầy đủ
	Thông tin cổ phiếu đơn giản
	Chỉ số
	Nhật ký giao dịch
	Đồ thị
	Xếp hạng
	Danh sách xem
	Báo động giá
	Thanh thông tin
	Tin tức mới
	Tiêu đề tin
	Lọc cổ phiếu
	Danh mục
	Tổng quan thị trường
	Giao dịch thỏa thuận



Hiển thị	Diễn giải
	Trống
	Tải
	Lưu

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

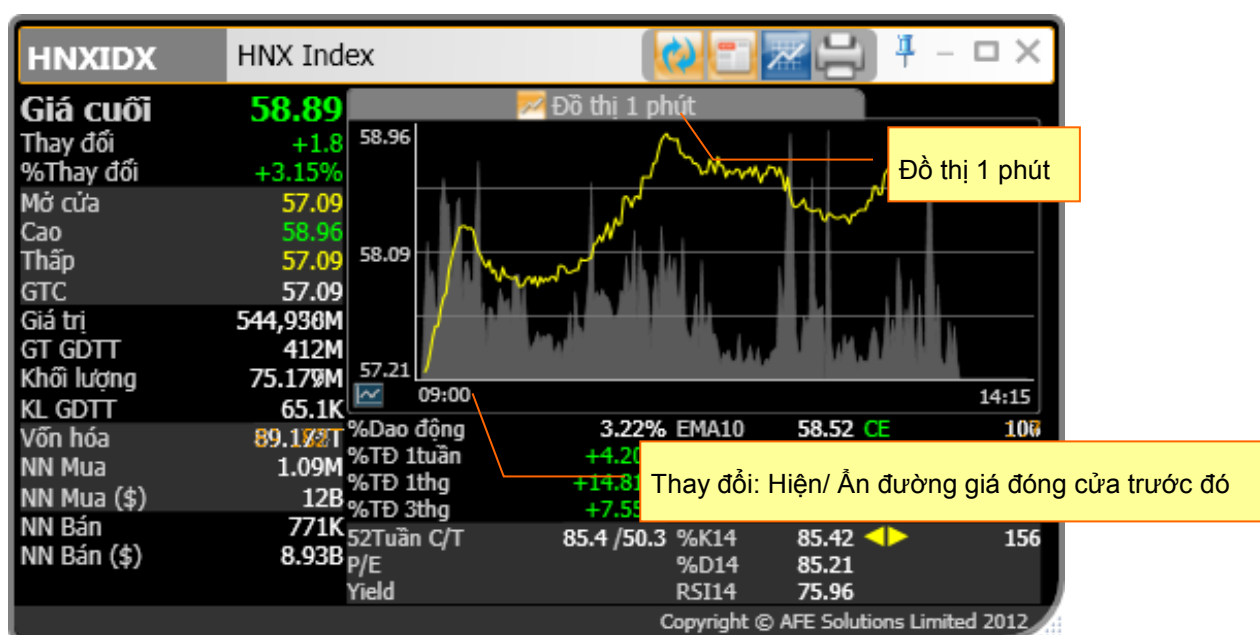
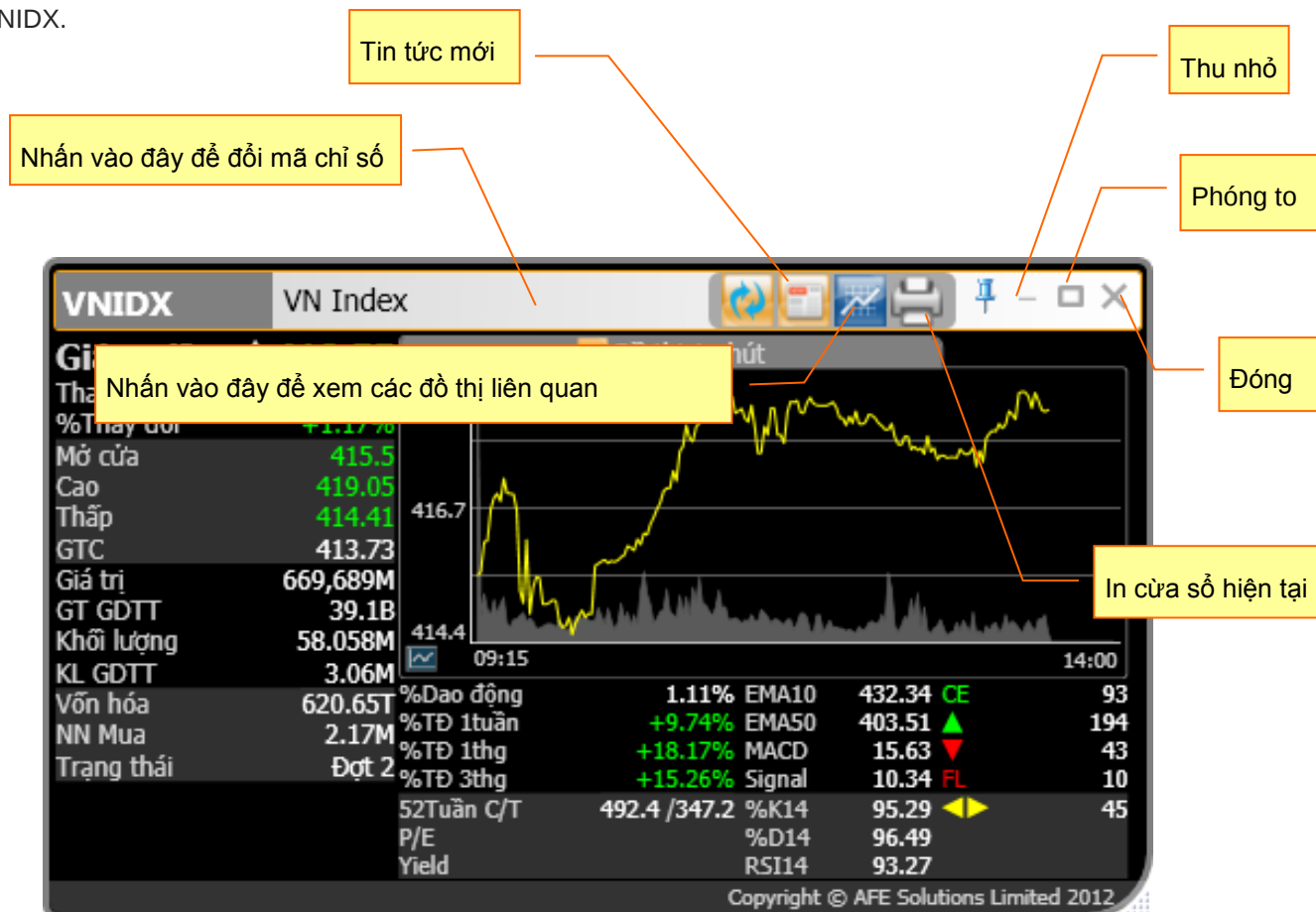
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



Hiển thị	Diễn giải
	Đổi mật khẩu
	Cấu hình
	Thông tin

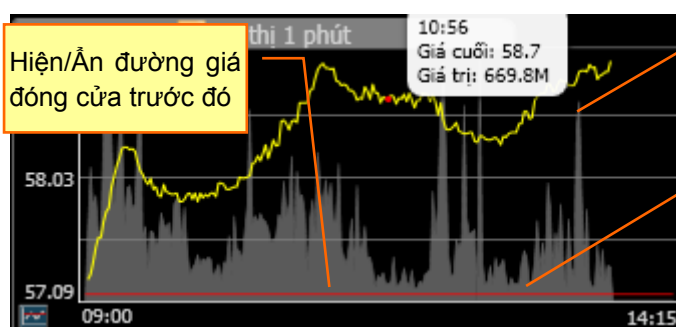
2.1 Các chỉ số

Xem giá thời gian thực của các chỉ số chứng khoán với Dữ liệu phân tích và Đồ thị. Mã mặc định là VNIDX.





Hiển thị	Diễn giải
Giá cuối	Giá gần nhất
Đóng cửa	Giá đóng cửa trong ngày.
Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu).
% Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu) theo phần trăm.
Mở cửa	Giá mở cửa.
Cao	Giá cao nhất trong ngày.
Thấp	Giá thấp nhất trong ngày.
GTC	Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
Giá trị	Giá trị giao dịch cộng dồn trong ngày.
GT GDTT	Giá trị giao dịch thỏa thuận cộng dồn trong ngày.
Khối lượng	Khối lượng giao dịch cộng dồn trong ngày.
KL GDTT	Khối lượng giao dịch thỏa thuận cộng dồn trong ngày..
Vốn hóa	Vốn hóa thị trường. Giá trị vốn hóa của một công ty được đo bằng tổng giá trị để mua vào tất cả cổ phiếu đang lưu hành theo giá thị trường.
NN Mua	Tổng khối lượng mua vào của nhà đầu tư nước ngoài.
Trạng thái	Trạng thái phiên giao dịch.



2.2 Dữ liệu phân tích kỹ thuật

%Dao động	3.29%	EMA10	58.52	CE	113
%TD 1tuần	+4.20%	EMA50	55.42	▲	201
%TD 1thg	+14.81%	MACD	1.88	▼	41
%TD 3thg	+7.55%	Signal	1.46	FL	9
52Tuần C/T	85.4 / 50.3	%K14	85.42	◀▶	154
P/E		%D14	85.21		
Yield		RSI14	75.96		

Hiển thị	Diễn giải
%Dao động	Phần trăm dao động



Hiển thị	Diễn giải
%TĐ 1 tuần	% thay đổi trong 1 tuần
%TĐ 1thg	% thay đổi trong 1 tháng
% TĐ 3thg	% thay đổi trong 3 tháng
52Tuần C	52 tuần cao. Giá cao nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
52Tuần T	52 tuần thấp. Giá thấp nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
P/E	Hệ số giá trên thu nhập (P/E – Price per Earning)
Yield	Tỷ lệ cổ tức trên thị giá
EMA10	Exponential moving average 10 ngày
EMA50	Exponential moving average 50 ngày
MACD	MACD (Period = 12, 26)
Signal	MACD Signal (Period = 9)
%K14	%K of 14 Day Slow Stochastic
%D14	%D of 14 Day Slow Stochastic
RSI 14	Relative Strength Index 14 ngày
CE	Số lượng chứng khoán giao dịch ở giá trần.
▲	Số lượng chứng khoán tăng giá.
FL	Số lượng chứng khoán giao dịch ở giá sàn.
▼	Số lượng chứng khoán giảm giá.
◀▶	Số lượng chứng khoán giá không đổi.

2.3 Thông tin CP đầy đủ

Xem giá cổ phiếu thời gian thực với Dữ liệu phân tích, Đồ thị thời gian thực và Nhật ký giao dịch. Hiển thị các dữ liệu khác nhau đối với cổ phiếu niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
 Người lập: Lê Tường Vân
 Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

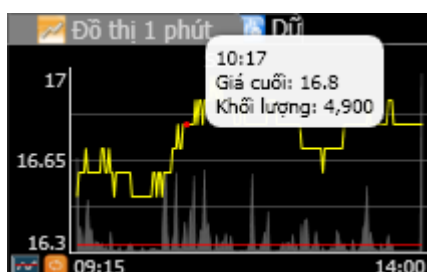


Hiển thị	Diễn giải
Giá cuối	Giá gần nhất
Đóng cửa	Giá đóng cửa trong ngày.
Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu).
% Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu) theo phần trăm.
Mở cửa (P1)	Giá mở cửa phiên 1 (đối với HOSE).
Tạm Đóng	Giá đóng cửa tạm tính (đối với HNX).
Cao	Giá cao nhất trong ngày.
Thấp	Giá thấp nhất trong ngày.
GTC/TB	Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
Trần	Giá trần.
Sàn	Giá sàn.
Giá (P2)	Giá khớp sau cùng trong phiên 2 (đối với HOSE).
M 4+	Khối lượng chào mua còn lại ngoài 3 bước giá tốt nhất (đối với HNX và UPCOM).



Hiển thị	Diễn giải
B 4+	Khối lượng chào bán còn lại ngoài 3 bước giá tốt nhất (đối với HNX và UPCOM).
Khối lượng	Khối lượng giao dịch cộng dồn trong ngày.
Giá trị	Giá trị giao dịch cộng dồn trong ngày.
NN Mua	Khối lượng mua cộng dồn của nhà đầu tư nước ngoài.
NN Bán	Khối lượng bán cộng dồn của nhà đầu tư nước ngoài (đối với HNX và UPCOM).
F. Room	Room còn lại mà nhà đầu tư nước ngoài có thể mua.
T. Room	Tổng room nhà đầu tư nước ngoài được phép mua.
KL PH	Khối lượng phát hành. Cổ phiếu được phân phối và được phép giao dịch trên thị trường.
Vốn hóa	Vốn hóa thị trường. Giá trị vốn hóa của một công ty được đo bằng tổng giá trị để mua vào tất cả cổ phiếu đang lưu hành theo giá thị trường.
Sàn GD	Sàn giao dịch.
Flag	Cờ trạng thái của cổ phiếu – Tạm dừng, Tạm ngưng.

2.4 Đồ thị 1 phút



3 bước giá chào mua/chào bán tốt nhất

Mua		Bán	
16.8		16.9	
19%		81%	
KL Mua	Mua	Bán	KL Bán
47.1K	16.8	16.9	127K
58.6K	16.7	17	283K
89.4K	16.6	17.1	396K

Hiển thị	Diễn giải
Mua	Giá mua. Ba giá mua tốt nhất



Hiển thị	Diễn giải
KL Mua	Khối lượng mua. Khối lượng mua của ba bước giá chào mua tốt nhất
Bán	Giá bán. Ba giá bán tốt nhất
KL Bán	Khối lượng bán. Khối lượng bán của ba bước giá chào bán tốt nhất
%Mua	%KL Mua $\% \text{Mua} = \text{Sum (KL Mua)} * 100 / \text{Sum (KL Mua và KL Bán)}$
%Bán	%KL Bán $\% \text{Bán} = \text{Sum (KL Bán)} * 100 / \text{Sum (KL Mua và KL Bán)}$
KL mua tuyệt đối	Tổng khối lượng mua của ba bước giá chào mua tốt nhất
KL bán tuyệt đối	Tổng khối lượng bán của ba bước giá chào bán tốt nhất
Giá trị mua tuyệt đối	Tổng giá trị mua của ba bước giá chào mua tốt nhất
Giá trị bán tuyệt đối	Tổng giá trị bán của ba bước giá chào bán tốt nhất

Nhật ký giao dịch

Xem 15 giao dịch gần nhất với ký hiệu giao dịch

TG	KL	Giá
14:00	230K	16.8
13:44	300	16.8
13:43	6090	16.9
13:43	200	16.9
13:43	2000	16.9
13:43	1710	16.9

Hiển thị	Diễn giải
B	Giao dịch mua
S	Giao dịch bán
P	Giao dịch thỏa thuận
X	Giao dịch thỏa thuận đã hủy
U	Giao dịch trong phiên ATO/ATC
A	Giá trung bình

2.5 Dữ liệu phân tích

%Dao động	0.00%	1Tuần C/T	16.4 / 15.1
%TD 1tuần	+9.15%	1Thg C/T	16.4 / 14.1
%TD 1thg	+23.45%	3Thg C/T	17.4 / 14.1
%TD 3thg	+4.68%	52Tuần C/T	25 / 13
P/E	14.33	Cổ tức(K)	
EPS(K)	1.14	Yield	
P/BV	1.13		
Lĩnh vực	Finan		

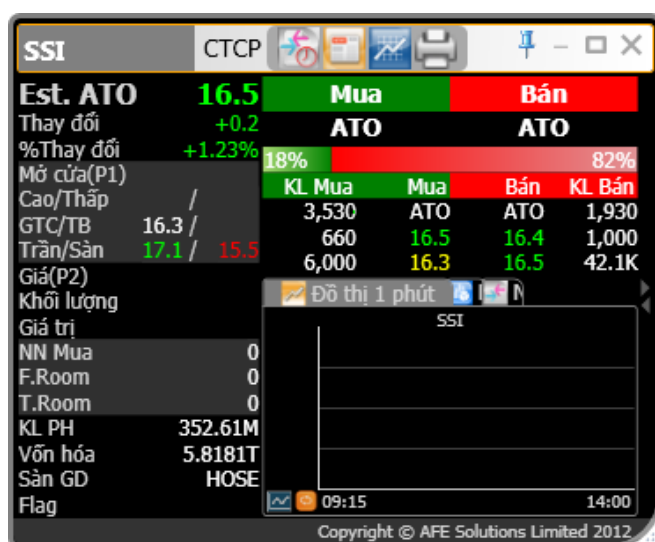
Hiển thị	Diễn giải
%Dao động	Phần trăm dao động
%TD 1 tuần	% thay đổi trong 1 tuần
%TD 1thg	% thay đổi trong 1 tháng
%TD 3thg	% thay đổi trong 3 tháng
1Tuần C	Giá cao nhất đạt đến trong 1 tuần gần nhất.
1Tuần T	Giá thấp nhất đạt đến trong 1 tuần gần nhất.
1Thg C	Giá cao nhất đạt đến trong 1 tháng gần nhất.



Hiện thị	Diễn giải
1Thg T	Giá thấp nhất đạt đến trong 1 tháng gần nhất.
3Thg C	Giá cao nhất đạt đến trong 3 tháng gần nhất.
3Thg T	Giá thấp nhất đạt đến trong 3 tháng gần nhất.
52Tuần C	Giá cao nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
52Tuần T	Giá thấp nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
P/E	Hệ số giá trên thu nhập (P/E – Price per Earning)
Cổ tức	Cổ tức
EPS	Hệ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS – EarningPer Share)
Yield	Tỷ lệ cổ tức trên thị giá
P/BV	Hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV – Price per Book Value)
Lĩnh vực	Phân ngành cổ phiếu

2.6 Thông tin CP đơn giản

Tương tự với Thông tin cổ phiếu đầy đủ nhưng giảm chiều rộng và thêm một số tab bên góc phải dưới.



2.7 Nhật ký giao dịch

Hiển thị tất cả những giao dịch khớp của cổ phiếu trong thời gian thực.



A: Tìm mã chứng khoán

Nhập mã chứng khoán vào ô dấu nhắc và nhấn Enter.

B: VWAP | Số giao dịch | Phần trăm mua/bán

VWAP: 16.741
Số giao dịch: 840

Hiện thị	Diễn giải
VWAP	VWAP là viết tắt của Volume weighted average price. VWAP là phương pháp định giá các giao dịch và được dùng để đo lường tính hiệu quả của các giao dịch của tổ chức hoặc của giao dịch viên.
Số giao dịch	Tổng số giao dịch khớp.

C: Thời gian & giao dịch

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

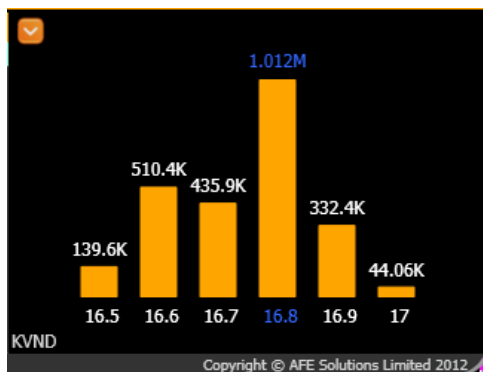
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



14:00	230K	16.8	+0.5
13:44	300	16.8	+0.5
13:43	6090	16.9	+0.6
13:43	200	16.9	+0.6
13:43	2000	16.9	+0.6
13:43	1710	16.9	+0.6

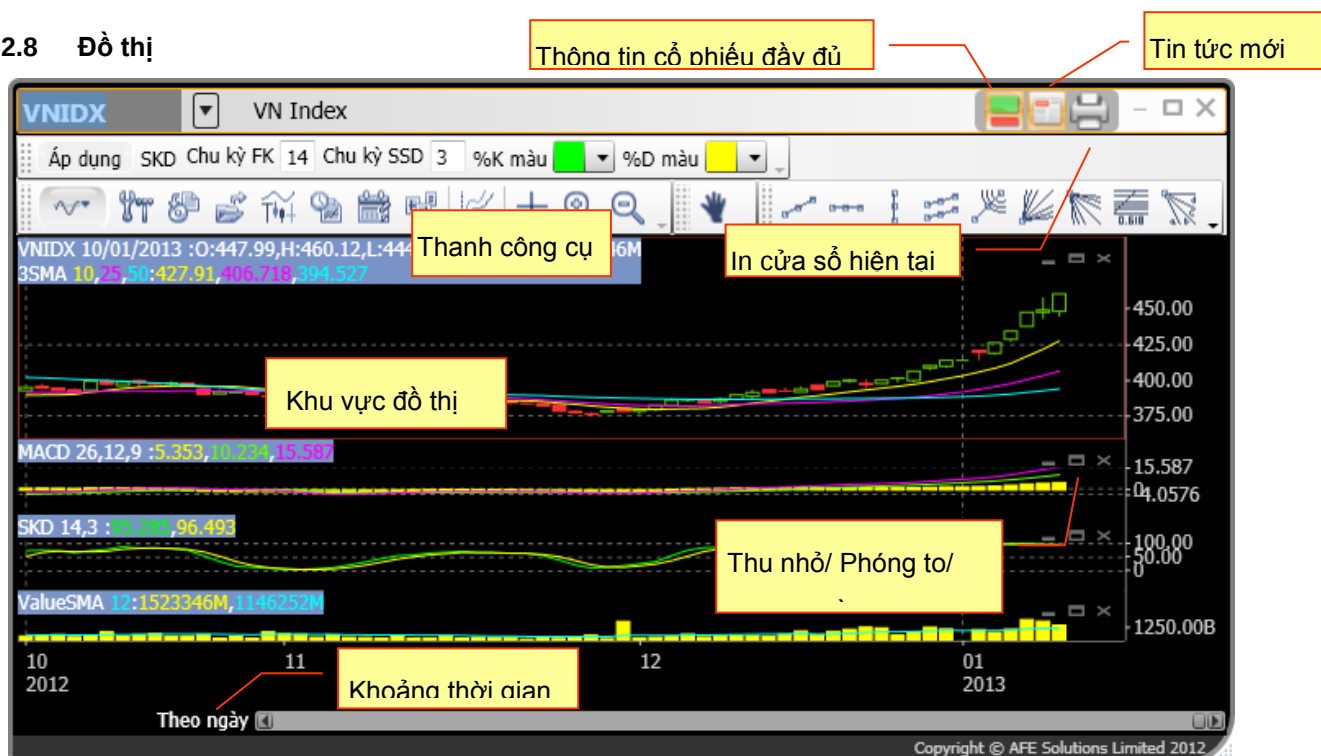
Hiển thị	Diễn giải
Thời gian	Thời gian giao dịch
Khối lượng	Khối lượng giao dịch đã khớp
Giá	Giá khớp (tính theo 1000 VND)

D: Đồ thị khớp lệnh theo mức giá



Hiện thị tất cả các giao dịch khớp tại mỗi mức giá theo biểu đồ cột với các chỉ thị màu sắc khác nhau. Khối lượng khớp được ghi trên đầu mỗi cột mức giá. Số liệu khối lượng khớp cao nhất được ghi màu xanh.

2.8 Đồ thị



Thanh công cụ hiển thị các biểu tượng đồ họa với các công cụ phân tích kỹ thuật, lịch sử và đường xu hướng. Bạn có thể nhấn vào biểu tượng công cụ bạn thích. Đồ thị sẽ thay đổi theo lựa chọn của bạn. VIS hiển thị tối đa 5 cửa sổ trong 1 trang, bao gồm 3 cửa sổ phân tích kỹ thuật, cửa sổ giá, và khối lượng.

Màn hình sẽ gồm 3 phần:

Hiện thị	Diễn giải
----------	-----------

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

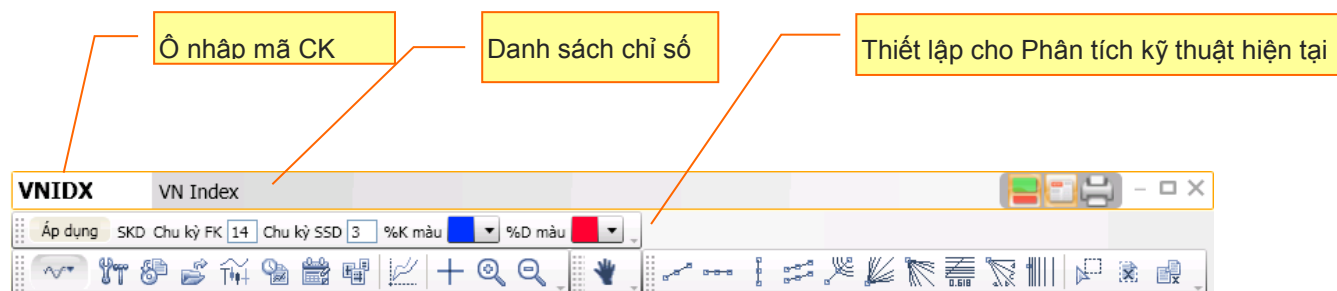
Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

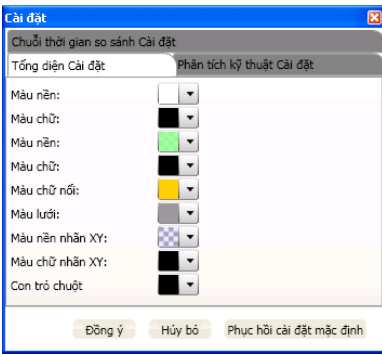


Thanh công cụ	Thanh công cụ cung cấp các chức năng để vẽ đồ thị và hỗ trợ phân tích kỹ thuật.
Đồ thị	Phần này hiển thị các đồ thị và các đường phân tích.
Khoảng thời gian	Thể hiện đơn vị thời gian hiển thị trên đồ thị.

A: Thanh công cụ



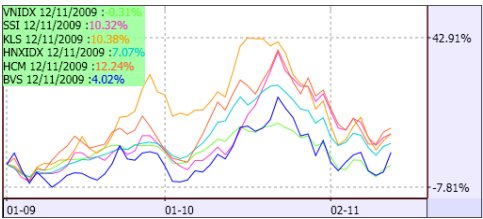
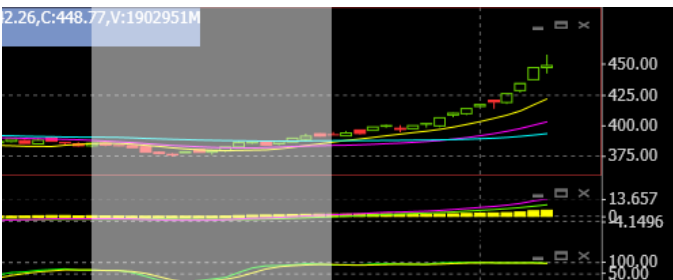
Hiện thị	Diễn giải
	Chứng khoán. Nhập vào chứng khoán cần xem và nhấn Enter.
	Áp dụng. Nhấn nút này để đồng ý cài đặt mới thay đổi thông số (thời gian/màu).
	Tham số Kỹ thuật. Các tham số của phần phân tích hiện tại. Những tham số này được xét vào thời điểm các chỉ số được vẽ. Để thay đổi các tham số Phân tích Kỹ thuật, nhấn vào tên của chỉ số trong phần chú thích. Phần Phân tích Kỹ thuật sẽ được tô sáng với dấu hoa thị bên trái. Dấu hoa thị cho biết là phần Phân tích Kỹ thuật nào đang được chọn. Phần tham số Phân tích Kỹ thuật sẽ được hiển thị tương ứng.
	Bảng màu. Nhấn vào nút này để điều chỉnh màu của các phần trên đồ thị. Để thay đổi màu, người dùng chỉ cần nhấn vào tên của các chỉ số, nhấn nút bảng màu rồi chọn 1 màu mới. Nhấn OK để áp dụng màu mới. Thay đổi chỉ áp dụng cho phần làm việc hiện hành. Nếu người dùng muốn lưu thành mặc định thì phải chọn ô "Lưu vào mặc định" trước khi nhấn OK.
	Thêm đường Phân tích Kỹ thuật. Nhấn vào nút này để xem danh sách các phân tích hiện có.

Hiển thị	Diễn giải
	Chọn đường phân tích muốn thêm vào. Đường được chọn sẽ được thêm vào dưới phần giá nếu như số đường phân tích chưa vượt mức cho phép (tối đa 5 đường). Nếu không thì đường cũ nhất sẽ bị thay thế bởi đường mới.
	Cấu hình. Chức năng cho phép người dùng thay đổi cấu hình của đồ thị. Phần này bao gồm: Cài đặt giao diện: Màu nền và màu sắc của các phần đồ thị. Cài đặt chế độ: Màu mặc định của đồ thị đường Relative Performance. Mặc định cho phân tích kỹ thuật: Màu sắc chi tiết của các phần phân tích kỹ thuật khác nhau.  Để thay đổi màu, nhấn vào ô màu cần đổi và chọn lại màu khác. Để đổi cấu hình của phần phân tích, chọn phần phân tích trong danh sách xổ xuống và thay đổi. Để phục hồi lại cấu hình mặc định, nhấn vào nút “Phục hồi cài đặt mặc định”.
	Lưu đồ thị. Cho phép bạn lưu chart template.
	Phục hồi đồ thị. Cho phép bạn tải chart template.
	Các kiểu đồ thị. Phần đồ thị giá có thể được hiển thị theo 3 kiểu. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn. ☒ Nền ☐ Thanh ☐ Đường
	Khoảng thời gian. Đồ thị có thể hỗ trợ nhiều khoảng thời gian khác nhau. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn. Giây Theo ngày 2 year Theo tuần 5 year Theo tháng 10 year



Hiển thị	Diễn giải
	Thiết lập ngày. Theo các bước sau để thiết lập ngày cho trục X: Nhấn nút Thiết lập ngày Hộp thoại Thiết lập ngày được hiện ra. Nhập ngày bắt đầu vào Từ ngày và ngày kết thúc vào Đến ngày. Định dạng ngày là DD/MM/YYYY. Nhấn Đồng ý để tiến hành.
	Tùy chọn Ẩn/Hiện. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn.
	So sánh tương quan. Nhấn để vào kiểu đồ thị So sánh tương quan. Đồ thị so sánh tương quan so sánh tỷ lệ thay đổi về giá của 2 hay nhiều mã chứng khoán. Điểm bắt đầu tại vị trí đầu tiên nhìn thấy là 0% và cho thấy % thay đổi của giá đóng cửa kể từ điểm đó đối với tất cả các mã trong danh sách. Các đồ thị So sánh tương quan rất tốt cho việc so sánh những mã được định giá khác nhau (ví dụ như chứng khoán và chỉ số). Bạn có thể dễ dàng thấy được mã nào tốt hơn và chọn mã tốt nhất cho việc kinh doanh của mình. Theo các bước sau để thiết lập So sánh tương quan: Nhập mã làm chuẩn vào ô nhập mã. Tỷ lệ thời gian sẽ tùy thuộc vào mã chuẩn. Nhấn nút để vào kiểu đồ thị So sánh tương quan. Hộp thoại So sánh tương quan được hiển thị. Nhập vào mã cần xem để hiển thị đồ thị so sánh hay chọn chỉ số để so sánh từ hộp xổ xuống chứa các Chỉ số. Nhấn nút Đồng ý để tiến hành. Đồ thị So sánh tương quan được hiển thị.



Hiển thị	Diễn giải
	 Khi đồ thị %Chg được vẽ, tất cả tỷ lệ được tính toán từ thông tin ở thanh bên trái. Để đặc tả tỷ lệ thay đổi chuẩn của bạn, sử dụng chức năng Thiết lập ngày hay chức năng Phóng to/Thu nhỏ. Phân tích kỹ thuật và Đường xu hướng không thể sử dụng trong kiểu Đồ thị So sánh tương quan.
EXIT	Thoát. Nhấn vào đây để thoát khỏi kiểu đồ thị So sánh tương quan.
	Loại con trỏ. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn. Chéo Đường thẳng đứng Đường nằm ngang ☒ Tất
	Phóng to. Chọn nút Phóng to để kích hoạt chức năng này. Nhấp nút trái chuột từ phần bắt đầu, và kéo con trỏ đến phần kết thúc mong muốn. Phần chọn sẽ được tô sáng. Thả nút trái chuột và phần lựa chọn sẽ được phóng to. 
	Thu nhỏ. Chương trình sẽ ghi nhớ các khoản phóng to trước đó và thu nhỏ tương ứng khi nhấn vào nút Thu nhỏ.
	Kéo thả. Sau khi đồ thị được phóng to, người dùng có thể kéo đồ thị sang trái hay phải bằng cách chọn chức năng kéo (nhấn nút Drag).
	Đường xu hướng. Dùng để vẽ đường xu thế.
	Đường nằm ngang. Dùng để vẽ đường xu thế nằm ngang. Cách vẽ giống như đường xu thế.



Hiển thị	Diễn giải
	Đường thẳng đứng. Dùng để vẽ đường xu thế thẳng đứng. Cách vẽ giống như đường xu thế.
	Đường kênh. Dùng để vẽ các đường xu thế song song. Nhấn vào Đường kênh để kích hoạt tính năng này.
	Đường Cung Fibonacci. Chuẩn bị con trỏ để vẽ đường cung Fibonacci.
	Hướng góc Gann lên. Dùng để vẽ các Góc Gann hướng lên theo thời gian – giá.
	Hướng góc Gann xuống. Dùng để vẽ các Góc Gann hướng xuống theo thời gian – giá.
	Retracement. Dùng để vẽ đường Fibonacci Retracement.
	Hình Quạt. Dùng để vẽ hình quạt Fibonacci.
	Múi giờ. Dùng để vẽ Múi giờ Fibonacci.
	Công cụ chọn. Dùng để chọn 1 hoặc nhiều đường xu thế.
	Xóa bỏ chọn lựa. Dùng để xóa các đường xu thế được chọn.
	Xóa tất cả. Dùng để xóa tất cả các đường xu thế.

B: Đồ thị

Vùng đồ thị bao gồm tối đa 5 đồ thị: 1 đồ thị về giá, 3 đồ thị phân tích kỹ thuật và 1 đồ thị khối lượng. Mặc định, vùng đồ thị hiển thị đồ thị giá, MACD, Slow Stochatis và đồ thị khối lượng. Người dùng có thể thêm hoặc xóa các đồ thị bằng các chức năng có sẵn trên thanh công cụ. Khi người dùng thêm một đồ thị phân tích kỹ thuật, đồ thị này sẽ được thêm vào bên dưới đồ thị giá. Nếu đã có 3 đồ thị phân tích kỹ thuật, khi thêm vào 1 đồ thị mới, đồ thị phân tích kỹ thuật cũ nhất sẽ được thay thế.



C: Khoảng thời gian

Thể hiện đơn vị thời gian hiển thị trên đồ thị.

Khoảng thời gian	Chức năng
Giây	Đồ thị theo giây
Theo ngày	Đồ thị theo ngày
Theo tuần	Đồ thị theo tuần
Theo tháng	Đồ thị theo tháng

D. Thêm đồ thị phân tích kỹ thuật

Theo các bước sau:

Nhấn vào nút  để xem danh sách các đồ thị được hỗ trợ.

(ACD) Accumulation/Distribution
 (ALF) Alexander's Filter
 (ATR) Average True Range
 (BB) Bollinger Bands
 (BIAS) Bias
 (CCI) Commodity Channel Index

Chọn loại đồ thị từ danh sách. Ví dụ: DMI.

Đồ thị được chọn lựa sẽ hiển thị lên vùng đồ thị



E. Đóng đồ thị phân tích kỹ thuật

Để đóng đồ thị phân tích kỹ thuật, làm theo các bước sau:

Nhấn vào chú giải đồ thị, vùng này sẽ được đánh dấu với dấu * bên trái.



Nhấn nút X bên phải đồ thị để đóng đồ thị.

F. Điều chỉnh thông số phân tích kỹ thuật

Để điều chỉnh các thông số phân tích kỹ thuật, làm theo các bước sau:

Nhấn vào chú giải đồ thị, vùng này sẽ được đánh dấu với dấu * bên trái.

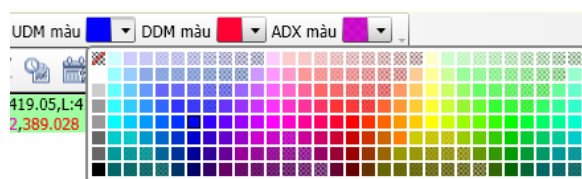
Các thông số kỹ thuật của đồ thị sẽ được hiện ra.



Để thay đổi chu kỳ, điền giá trị vào ô Chu kỳ.

Nhấn Enter để làm mới đồ thị.

Để thay đổi màu, nhấn vào các ô màu tương ứng để chọn.



G. Vẽ đường xu hướng

Để vẽ đường xu hướng, làm theo các bước sau:

Chọn đường xu hướng muốn vẽ. Ví dụ: Nhấn .

Di chuyển con trỏ chuột đến điểm đầu của đường xu hướng, giữ chuột trái và thả chuột trái ở điểm cuối của đường muốn vẽ.



Nhấn nút  để thoát khỏi công cụ vẽ.

H. Di chuyển đường xu hướng

Để di chuyển đường xu hướng:

Nhấn chuột trái vào các ô được đánh dấu trên đường xu hướng.

Người dùng có thể kéo dài, thu ngắn, xoay, di chuyển vị trí của đường xu hướng.



I. Xóa đường xu hướng

Làm theo các bước sau để xóa đường xu hướng:

Chọn đường xu hướng cần xóa.

Nhấn  để xóa.

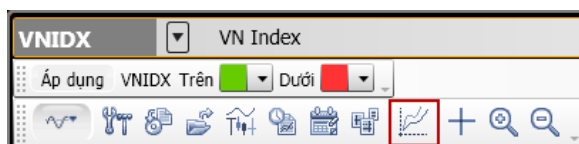
J. Đồ thị so sánh tương quan

Đồ thị so sánh tương quan so sánh tỷ lệ thay đổi về giá của hai hay nhiều chứng khoán. Biểu đồ bắt đầu với 0% và hiển thị phần trăm thay đổi của giá đóng cửa cho mỗi mã chứng khoán trong danh sách. Đồ thị so sánh tương quan thường được dùng để so sánh sự tương quan giữa chứng khoán và index vì nó thể hiện phần trăm thay đổi (không phải các giá trị tuyệt đối). Dựa vào đồ thị tương quan, người dùng có thể biết được chứng khoán nào tốt hơn để giao dịch.

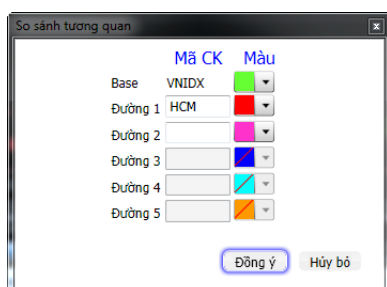
Để thiết lập Đồ thị so sánh tương quan, làm theo các bước sau:

Nhập mã chứng khoán đầu tiên vào ô tìm kiếm. So sánh sẽ dựa vào mã chứng khoán đầu tiên.

Nhấn vào nút So sánh tương quan để bắt đầu màn hình Đồ thị so sánh tương quan.



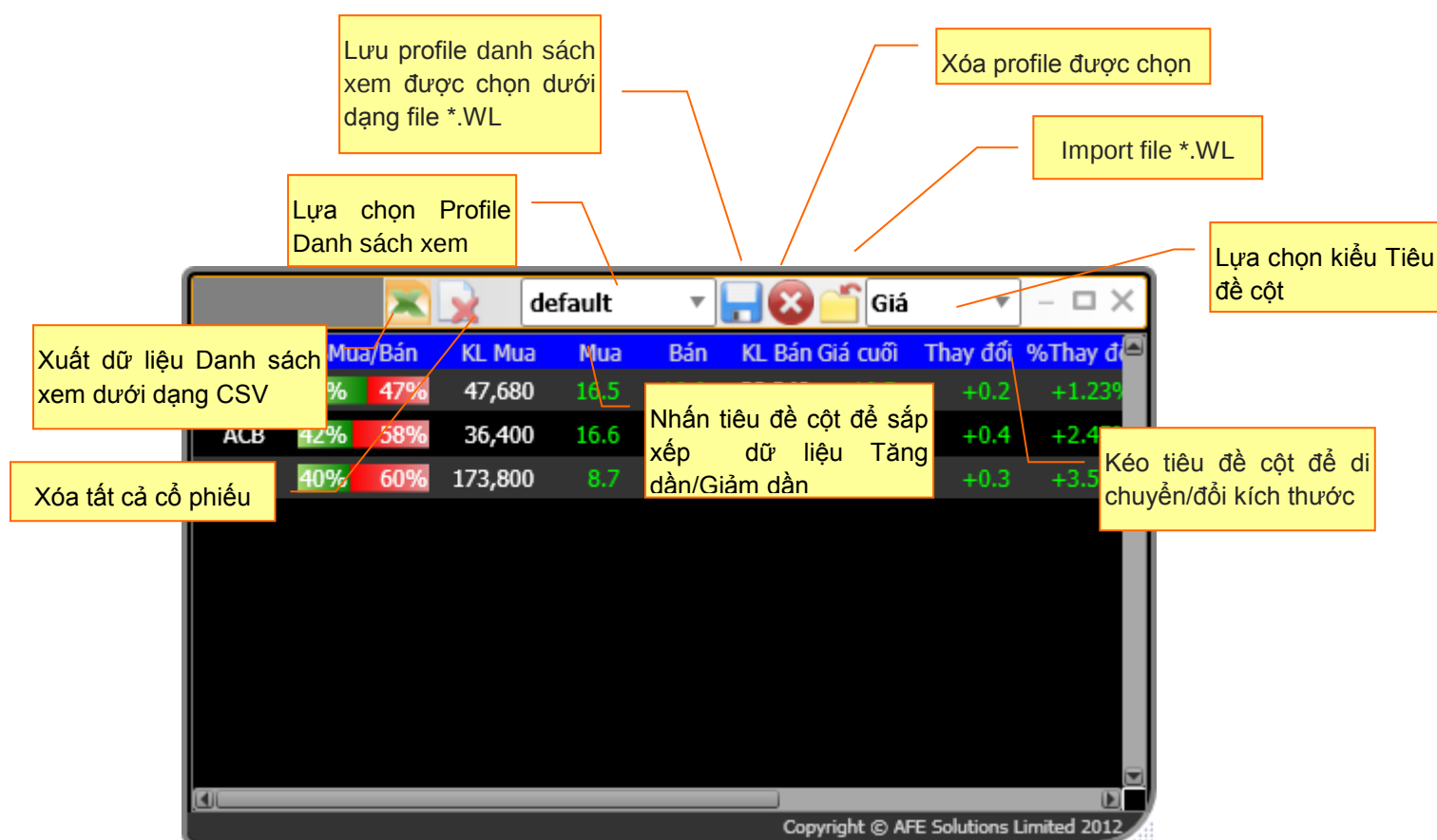
Màn hình Thiết lập so sánh tương quan hiển thị. Nhập mã chứng khoán cần so sánh. Ví dụ: HCM



2.10 Danh sách xem

Xem nhiều mã theo thời gian thực với chức năng sắp xếp. Một profile Danh sách xem có thể chứa đến 40 mã chứng khoán.

Nhấn đúp vào vùng dữ liệu sẽ hiện ra cửa sổ Thông tin cổ phiếu đầy đủ.



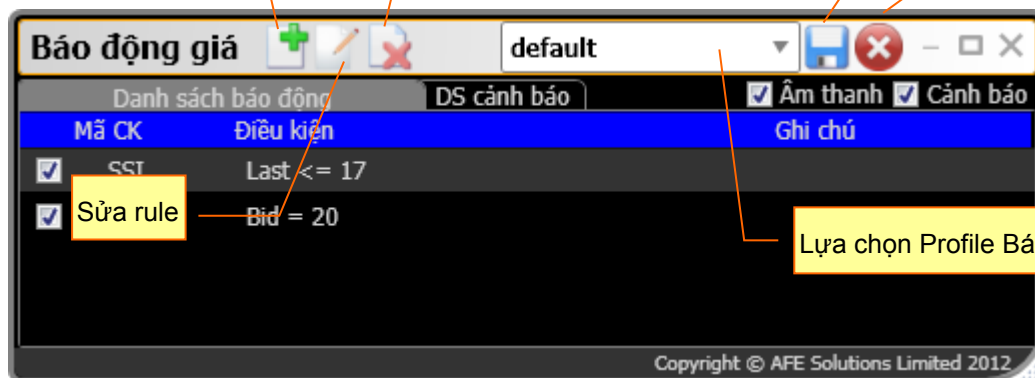
Để xóa một cổ phiếu, chọn hàng muốn xóa và nhấn nút xóa.

2.11 Báo động giá

Cảnh báo cho phép người dùng theo dõi và được cảnh báo ngay lập tức các điều kiện đặt trước. Người dùng có thể cài đặt tối đa 20 điều kiện. Những tiêu chí này bao gồm như sau:



Phân tích kỹ thuật (Exponential MAV, MACD, Slow Stochastic và RSI)



Lưu danh mục

Xóa danh mục

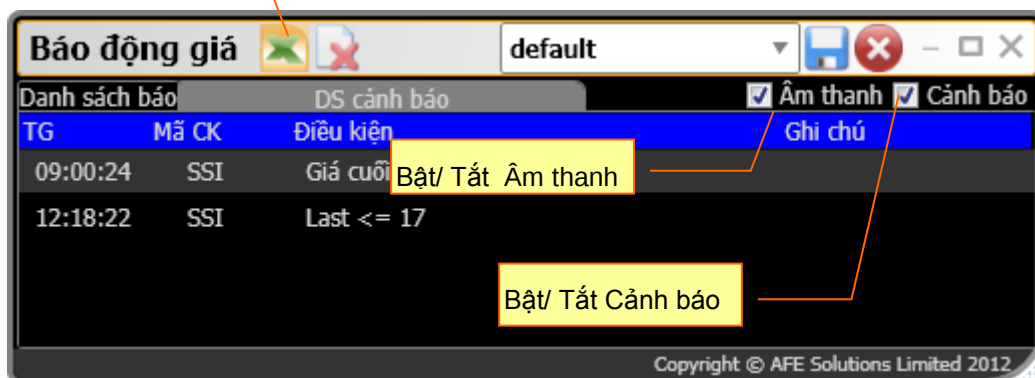
Thêm điều kiện báo động

Xóa điều kiện chọn

Lựa chọn Profile Báo động giá

Xuất ra Breaker Log CSV

Xóa chọn rule



Để hiển thị hộp thoại Báo động giá:

Chọn Báo động giá ở menu TT thị trường. Hoặc

Chọn  trên TT thị trường. Hoặc

Chọn  trên Clock panel. Hoặc

Từ Thông tin cổ phiếu đầy đủ hay màn hình Thông tin cổ phiếu đơn giản, nhấp Mua/Bán . Hoặc

Từ Thông tin cổ phiếu tóm tắt, nhấp Bid Price/Offer Price. Hoặc

Từ màn hình Danh mục, chọn  .

Danh sách báo động	Chức năng
	Thêm một điều kiện cảnh báo. Nhấp Thêm điều kiện, Hộp thoại Cài đặt điều kiện cảnh báo sẽ hiển thị. 
	Sửa điều kiện được chọn.
	Xóa điều kiện được chọn.

Danh sách cảnh báo	Chức năng
	Xuất ra Breaker Log CSV.
	Xóa tất cả Breaker Log.

Kiểm tra	Chức năng
Âm thanh	Nếu đánh dấu, sẽ báo động theo âm thanh.
Cảnh báo	Nếu đánh dấu, sẽ báo động theo cửa sổ pop up.

2.12 Thanh thông tin

Thanh thông tin cung cấp dữ liệu các chỉ số trong nước như VN Index, VN30 Index, HNX Index, HNX30 index và UPCOM Index để giúp theo dõi diễn biến thị trường.

VN Index	414.5	-3.85 (-0.92%)	Giá trị	992,059M	(PT: 58.9B)	Khối lượng	92.67M	(PT: 3.3M)	▲ 59 (CE 23) ▼ 163 (FL 58) ▶ 56
VN30 Index	5.2M	Đợt 2	Giá trị	405,358M	(PT: 46.1B)	Khối lượng	29,168M	(PT: 2.43M)	▲ 5 (CE 1) ▼ 24 (FL 2) ▶ 1
HNX Index	3.99M	Đợt 2	Giá trị	749,347M	(PT: 14.9B)	Khối lượng	116.72M	(PT: 1.74M)	▲ 64 (CE 31) ▼ 158 (FL 55) ▶ 174
NNI Mua	947K	(\$ 7.24B)	NN Bán	310K	(\$ 2.86B)				

Nhấp  để chuyển chỉ số.

Nhấp  để xem nhiều thông tin hơn.



Thông tin trên thanh thông tin bao gồm:

Thông tin	Mô tả
Last	The most recent trade price.
Change	The difference between last and previous close (reference price).
%Chg	The difference between last and previous close (reference price) in percentage.
Value	Accumulated trading value.
PT Value	Accumulated Put Through trading value.
Volume	Accumulated trading volume.
PT Volume	Accumulated Put Through trading volume.
▲	Number of stock trade on up price.
▼	Number of stock trade on down price.
◀▶	Number of stock trade on unchange price.
CE	Number of stock trade at ceiling price.
FL	Number of stock trade at floor price.
F. Buy	Foreign buy volume
F. Buy (\$)	Foreign buy value.
F. Sell	Foreign sell volume.
F. Sell (\$)	Foreign sell value.
Status	HOSE market status.

2.13 Tin tức mới

Cửa sổ tin tức là danh sách các tiêu đề tin. Có thể giảm số tiêu đề tin trên cửa sổ tin tức bằng cách áp dụng các điều kiện truy vấn (nhập mã chứng khoán, chọn các tin của một sàn giao dịch).

Cửa sổ tin tức liệt kê các tin từ mới đến cũ, tin mới nhất xuất hiện ở đầu danh sách.

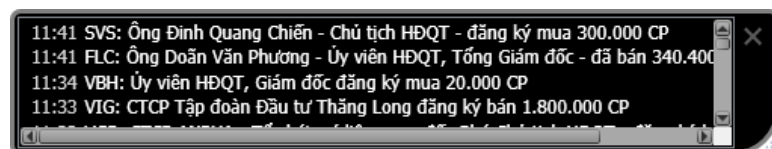


Nhấn đúp vào tiêu đề tin cần xem để hiển thị nội dung tin.



2.14 Tiêu đề tin

Một cửa sổ mới là danh sách 100 tiêu đề tin.



Double click vào tiêu đề tin cần xem để hiển thị nội dung tin.

2.15 Lọc cổ phiếu

Lọc cổ phiếu cho phép bạn tìm kiếm chứng khoán bằng cách chỉ định nhiều tiêu chí hơn, như: Giá, %Thay đổi, P/E, Hệ số sinh lời, Vốn hóa và các hoạt động Phân tích kỹ thuật.

Theo các bước sau để tìm kiếm chứng khoán từ Giao diện người dùng:

Định nghĩa điều kiện.

Nhấn nút **Chạy** để tiến hành.

Trang kết quả được hiển thị. Click vào tiêu đề cột để sắp xếp dữ liệu Tăng dần/Giảm dần. Biểu tượng mũi tên sẽ được hiển thị trên tiêu đề cột.

2.16 Tổng quan thị trường

Biểu đồ tổng quan thị trường hiển thị sự thay đổi của tất cả cổ phiếu trên thị trường. Biểu đồ này cho phép bạn nhìn tổng quát thị trường một cách nhanh chóng.

Màu Xanh nghĩa giá cổ phiếu tăng.

Màu đỏ là giá cổ phiếu giảm.

Màu càng đậm là sự thay đổi càng nhiều.



Lợi ích:

Biết tình hình thị trường nhanh chóng.

Cung cấp thông tin trong quyết định mua bán.

Cho phép truy cập thông tin nhanh chóng.

Nắm bắt thông tin thị trường nhanh hơn, tốt hơn

Đặc điểm:

Khi di chuyển chuột qua một cổ phiếu nào đó, nhiều thông tin về cổ phiếu này sẽ được hiển thị.

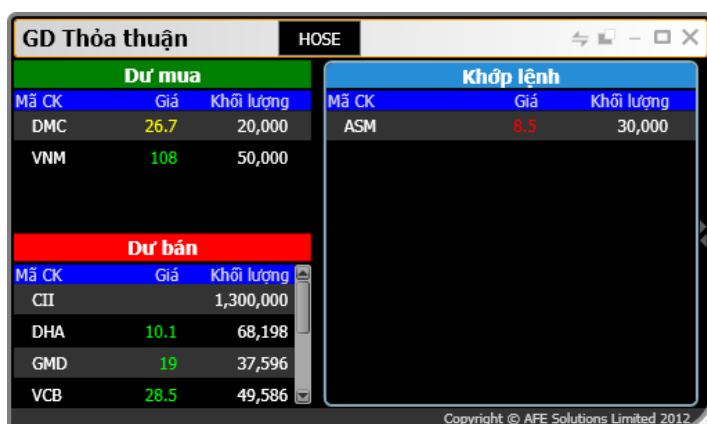
Nhấp đúp chuột vào một cổ phiếu, thông tin đầy đủ của cổ phiếu này được hiển thị.

Khi cổ phiếu này tăng trần, hình chữ nhật của cổ phiếu này có đường viền màu xanh.

Khi cổ phiếu này giảm sàn, hình chữ nhật của cổ phiếu này có đường viền màu đỏ.

Hiển thị hay ẩn giá trị %Thay đổi.

2.17 Thông tin giao dịch thỏa thuận



Màn hình này hiển thị thông tin về giao dịch thỏa thuận của toàn thị trường. Dư mua/Dư bán chứa các thông tin thỏa thuận quảng cáo. Màn hình Khớp lệnh chứa tất cả các giao dịch thỏa thuận khớp của thị trường.

3 QUẢN LÝ GIAO DỊCH

3.12 Quản lý tài khoản (FO_AM)

3.12.1 Đăng nhập (FO_AM_LI)

Đăng nhập vào hệ thống bằng Mã Khách Hàng và Mật Khẩu do SSI cung cấp

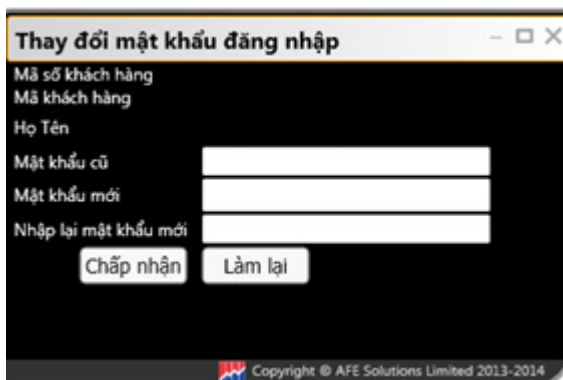
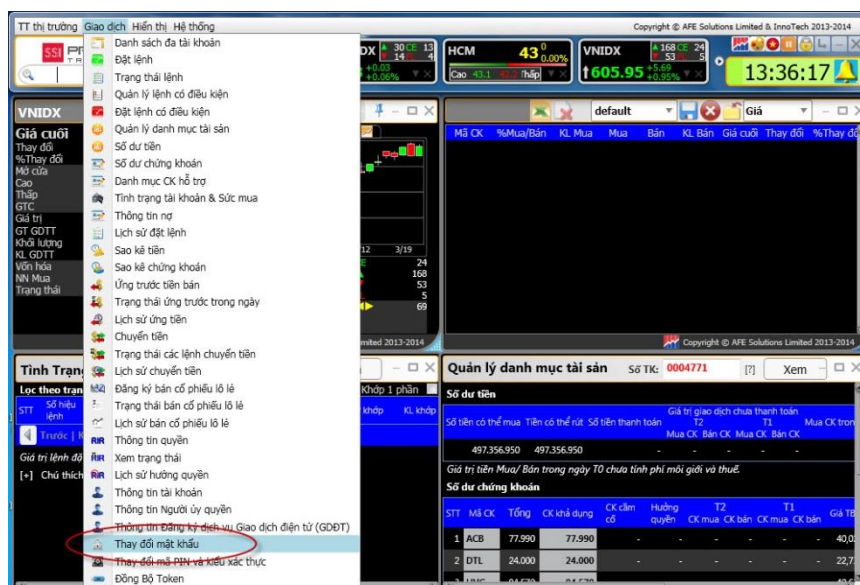


4. Màn hình đăng nhập hệ thống

3.12.2 Thay đổi mật khẩu đăng nhập (FO_AM_CP)

Lần đầu tiên đăng nhập vào hệ thống, khách hàng sẽ được cảnh báo nên thay đổi mật khẩu đăng nhập. Hệ thống tự động mở màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập để khách hàng thao tác. Khách hàng có thể bỏ qua bước này bằng cách đóng màn hình này lại.

Sau lần đầu đăng nhập, nếu muốn thay đổi mật khẩu đăng nhập, khách hàng làm theo các bước sau: Từ Menu chính → Giao Dịch → Thay đổi mật khẩu



5. Thay đổi mật khẩu đăng nhập

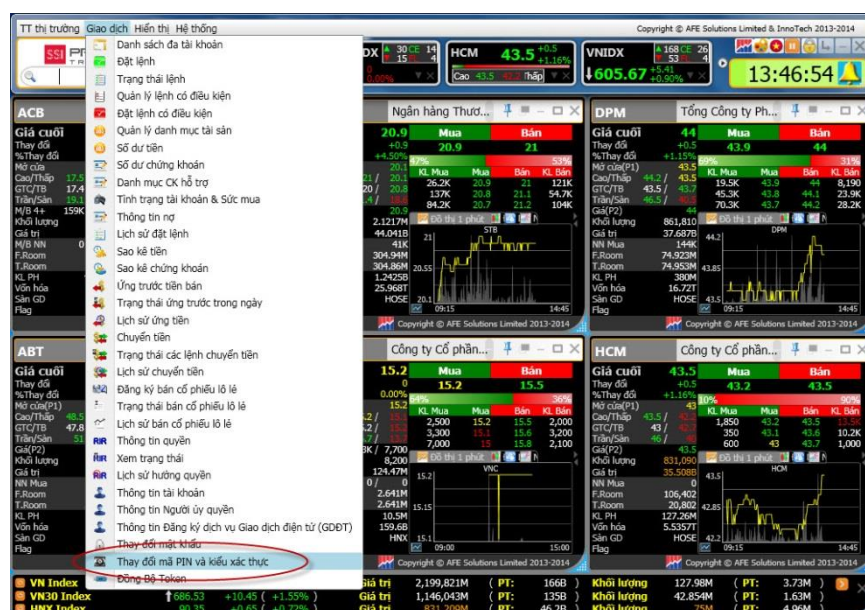
Nhập đầy đủ thông tin yêu cầu vào → chọn Chấp nhận để thực hiện yêu cầu thay đổi mật khẩu đăng nhập.

Chọn Làm Lại để nhập lại các thông tin được yêu cầu.

3.12.3 Thay đổi mã PIN đặt lệnh

Lần đầu tiên đăng nhập vào hệ thống, khách hàng sẽ được cảnh báo nên thay đổi mật khẩu đặt lệnh (PIN). Hệ thống tự động mở màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập để khách hàng thao tác. Khách hàng có thể bỏ qua bước này bằng cách đóng màn hình này lại.

Từ Menu chính → chọn Giao Dịch → chọn Thay đổi mã PIN và kiểm tra thực. Tại màn hình Kiểm tra thực → chọn Thay đổi mã PIN



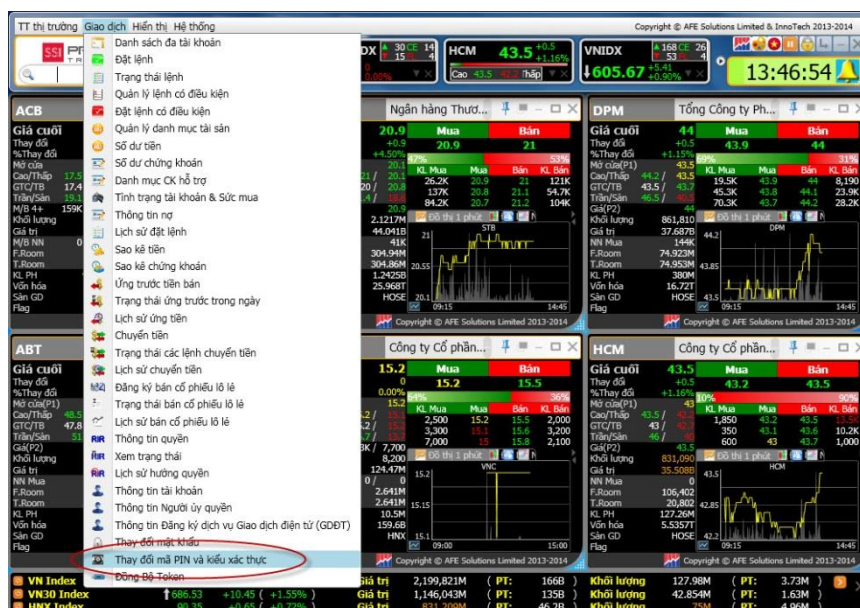
The figure shows two screenshots of the 'Kiểu Xác Thực' (Authentication) dialog box. The first screenshot shows the 'Thay đổi mã PIN' button highlighted with a red circle. The second screenshot shows the input fields for 'Mã PIN cũ' (Old PIN) and 'Mã PIN mới' (New PIN), with the 'Mã PIN mới' field highlighted by a red circle. The dialog box also includes buttons for 'Dùng PIN tính' (Use PIN calculation), 'Dùng Token', 'Chấp nhận' (Accept), and 'Hủy' (Cancel).

6. Thay đổi mã PIN đặt lệnh

Nhập đầy đủ thông tin yêu cầu → chọn Chấp nhận để thực hiện yêu cầu thay đổi mã PIN đặt lệnh.
Chọn Hủy để trở về màn hình Chọn kiểu xác thực.

3.12.4 Thay đổi kiểu xác thực

Từ Menu chính → Giao Dịch → chọn Thay đổi mã PIN và kiểu xác thực, tại màn hình Kiểu Xác Thực



7. Thao tác vào thay đổi kiểu xác thực

- Thay đổi từ Dừng mã PIN → Dừng Token
 - Nhập xác thực Token → chọn Chấp nhận để thay đổi kiểu xác thực đặt lệnh sang Token
 - Chọn Hủy để quay lại màn hình Kiểu xác thực



8. Thay đổi từ Dừng mã PIN --> Dừng Token

- Thay đổi từ Dừng Token → Dừng mã PIN
 - Nhập thông tin mã PIN mới & xác thực mã Token → chọn Chấp nhận để thay đổi kiểu xác thực
 - Chọn Hủy để quay về màn hình kiểu xác thực



9. Thay đổi từ Dùng Token → Dùng mã PIN

3.12.5 Quên mật khẩu đăng nhập (FO_AM_FP)

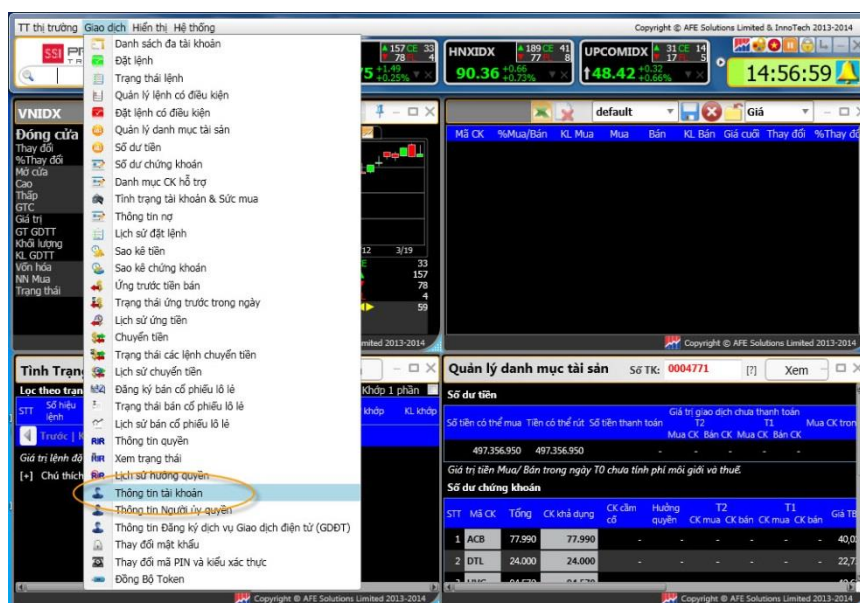


10. Màn hình quên mật khẩu đăng nhập

3.12.6 Quản lý thông tin tài khoản (FO_AM_AI)

3.12.6.1 Quản lý thông tin liên lạc

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin tài khoản



11. Thao tác vào xem thông tin tài khoản

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



Thông tin liên lạc Số TK: 106162 [?] Xem

(Các thông tin liên lạc được SSI sử dụng để gửi thư, chuyển phát hay gọi điện/Fax liên lạc mỗi khi cần)

Mã số khách hàng	003C000	
Mã khách hàng	000	
Họ Tên	Nguyễn	
Số CMT/Hộ chiếu	022	
Địa chỉ liên lạc	Nguyễn Cửu Vân	
Điện thoại cố định		
Điện thoại cố định mới	391	Chờ xử lý Hủy
Điện thoại di động		Sửa
Email		Sửa
Email mới		Bị từ chối [?]
Loại khách hàng	Nhà đầu tư	
Chi nhánh	SSI - HO VA NGUYEN CONG TRU	
Nhân viên quản lý	-	
Mã đại lý		
Tên đại lý		
Có thể mua	Có	
Có thể bán	Có	
Điểm tích lũy	-	

Click vào đây để đăng ký sửa thông tin

Click vào đây để hủy yêu cầu đăng ký đã gửi trước đó

Copyright © AFE Solutions Limited 2013-2014

12. Xem thông tin tài khoản

Để đăng ký thay đổi thông tin hiện tại, thao tác như sau:

Thông tin liên lạc Số TK: 106162 [?] Xem

(Các thông tin liên lạc được SSI sử dụng để gửi thư, chuyển phát hay gọi điện/Fax liên lạc mỗi khi cần)

Mã số khách hàng	003C000	
Mã khách hàng	000	
Họ Tên	Nguyễn	
Số CMT/Hộ chiếu	022	
Địa chỉ liên lạc	Nguyễn Cửu Vân	
Điện thoại cố định		
Điện thoại cố định mới	391	Chờ xử lý Hủy
Điện thoại di động		Sửa
Email		Sửa
Email mới		Bị từ chối [?]
Loại khách hàng	Nhà đầu tư	
Chi nhánh	SSI - HO VA NGUYEN CONG TRU	
Nhân viên quản lý	-	
Mã đại lý		
Tên đại lý		
Có thể mua	Có	
Có thể bán	Có	
Điểm tích lũy	-	

Sửa

Chấp nhận Hủy

Xác nhận thay đổi thông tin liên lạc

Quý khách vui lòng nhập mã PIN/Token để xác nhận yêu cầu thay đổi.

Mã PIN: ***** [?] Lưu

Xác nhận Đóng

Copyright © AFE Solutions Limited 2013-2014

13. Màn hình đăng ký sửa thông tin

3.12.6.2 Quản lý thông tin ủy quyền

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin người ủy quyền

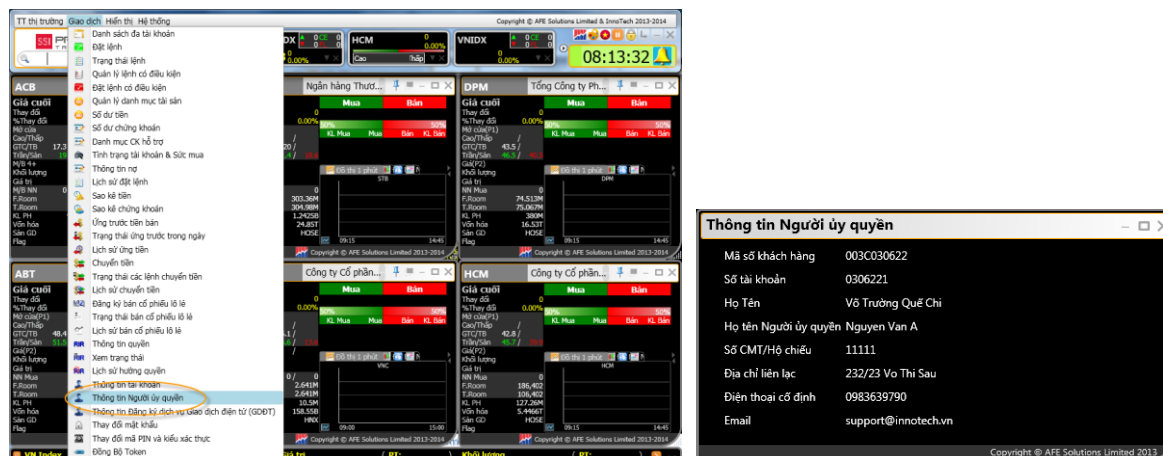
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



14. Xem thông tin người ủy quyền

3.12.6.3 Quản lý thông tin đăng ký GDĐT

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin đăng ký dịch vụ Giao Dịch Điện Tử (GDĐT)



15. Thao tác vào màn hình thông tin đăng ký dịch vụ GDĐT

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

- Email nhận thông tin về GDĐT: investech@investech.vn
Được sử dụng để nhận thông báo về dịch vụ GDĐT, xác nhận và kích hoạt tài khoản GDĐT, nhận mật khẩu...
- Thông tin giao dịch qua điện thoại (SSI Contact Center):

Được sử dụng để gọi lên Contact Center nhanh hơn

- Thông tin tài khoản chuyển tiền:

Quý khách có thể đăng ký từ 1 đến 3 tài khoản ngân hàng (TK NH) tại SSI. Sau khi đăng ký, Quý khách có thể yêu cầu chuyển tiền qua phương thức Giao dịch điện tử từ TK CK tại SSI tới:

- Các TK NH đã đăng ký này
- Tất cả TK NH bất kỳ, có tên người thụ hưởng trùng với tên chủ TK CK tại SSI

Thông tin 3 Tài khoản ngân hàng	Thông tin 4 tài khoản nội bộ
Tài khoản ngân hàng 1	Tài khoản nội bộ 1
Tên người thụ hưởng	Số tài khoản
Số TK	Tên chủ tài khoản
Tại NH	Tài khoản nội bộ 2
Tỉnh/TP	Số tài khoản
Tài khoản ngân hàng 2	Tên chủ tài khoản
Tên người thụ hưởng	Tài khoản nội bộ 3
Số TK	Số tài khoản
Tại NH	Tên chủ tài khoản
Tỉnh/TP	Tài khoản nội bộ 4
Tài khoản ngân hàng 3	Số tài khoản
Tên người thụ hưởng	Tên chủ tài khoản

Copyright © AFE Solutions Limited 2013

16. Màn hình đăng ký sử dụng dịch vụ GDĐT lần đầu

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Điều khoản Thỏa thuận Sử dụng Dịch vụ SSI CONTACT CENTER

Chào mừng bạn đến với Trung tâm dịch vụ khách hàng SSI Contact Center

1. Mối quan hệ của nhà đầu tư với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn

1.1 Việc bạn sử dụng các dịch vụ truy vấn thông tin chứng khoán, đặt lệnh, ứng nhanh, chuyển tiền, thay đổi thông tin đăng ký... được cung cấp trên SSI Contact Center (được gọi chung là "Dịch vụ" trong văn bản này) phải chịu sự điều chỉnh của các điều khoản dựa trên một thỏa thuận pháp lý giữa bạn và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (từ đây gọi tắt là SSI), "SSI Contact Center" nghĩa là Tổng đài của trung tâm dịch vụ khách hàng trực thuộc Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Văn bản này giải thích cách thức hình thành thỏa thuận trên và trình bày một vài điều khoản của thỏa thuận.

1.2 Từ khi đã có thỏa thuận bằng văn bản với SSI về thỏa thuận sử dụng dịch vụ SSI Contact Center, thỏa thuận của bạn với SSI sẽ luôn bao gồm tối thiểu các điều khoản và điều kiện được trình bày trong văn bản này. Những điều này được gọi lại "Các điều khoản chung".

1.3 Thỏa thuận của bạn với SSI cũng sẽ bao gồm các điều khoản của bất kỳ Thông báo pháp lý nào có thể áp dụng cho các Dịch vụ, ngoài các điều khoản chung. Tất cả các điều khoản này được gọi là "Điều khoản bổ sung". Khi các Điều khoản bổ sung áp dụng cho một dịch vụ, những điều khoản này sẽ có thể truy cập được để cho bạn đọc hoặc bên trong, hoặc là thông qua việc bạn sử dụng Dịch vụ đó.

1.4 Các Điều khoản chung, cũng với các Điều khoản bổ sung, hình thành một thỏa thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa bạn và SSI Contact Center liên quan đến việc bạn sử dụng các Dịch vụ. Bạn nên dành thời gian để đọc chúng cẩn thận. Nội dung, thỏa thuận pháp lý này được gọi là các "Điều khoản".

1.5 Nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa nội dung của các Điều khoản bổ sung và các Điều khoản chung, thì các Điều khoản bổ sung sẽ có hiệu lực cao hơn liên quan đến Dịch vụ đó.

2. Chấp nhận các điều khoản

☒ Tôi xác nhận đã đọc và đồng ý những điều trên.

Copyright © AFE Solutions Limited 2013

17. Màn hình xác nhận đăng ký



Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Email nhận thông tin về GDĐT : issinotachay@issinotachay.com

Được sử dụng để nhận thông báo về dịch vụ GDĐT, xác nhận và kích hoạt tài khoản GDĐT, nhận mật khẩu ...

Thông tin giao dịch qua điện thoại (SSI Contact Center) :

Được sử dụng để gọi lên Contact Center ...

Thông tin tài khoản chuyển tiền :

Quý khách có thể đăng ký từ 3 tài khoản:

1. Các TK NH để đăng ký này

2. Tài TK NH bất kỳ, có tên người thụ hưởng

Thông tin 3 Tài khoản ngân hàng

Tài khoản ngân hàng 1	Tài khoản ngân hàng 2	Tài khoản ngân hàng 3	Tài khoản mới bỏ 4
Tên người thụ hưởng	Tên người thụ hưởng	Tên người thụ hưởng	Tên người thụ hưởng
Số TK	Số TK	Số TK	Số tài khoản
Tại NH	Tại NH	Tại NH	Tên chủ tài khoản
Tỉnh/TP	Tỉnh/TP	Tỉnh/TP	

Cập nhật thông tin đăng ký dịch vụ giao dịch điện tử SSI

Họ tên

Số tài khoản

Điện thoại

☒ Chỉ xác thực bằng số điện thoại gọi đến khi tra cứu thông tin tự động qua CC

☒ CCPIN ☐ Token

Kiểu xác thực

Nhập CCPIN (7)

Nhập lại CCPIN (7)

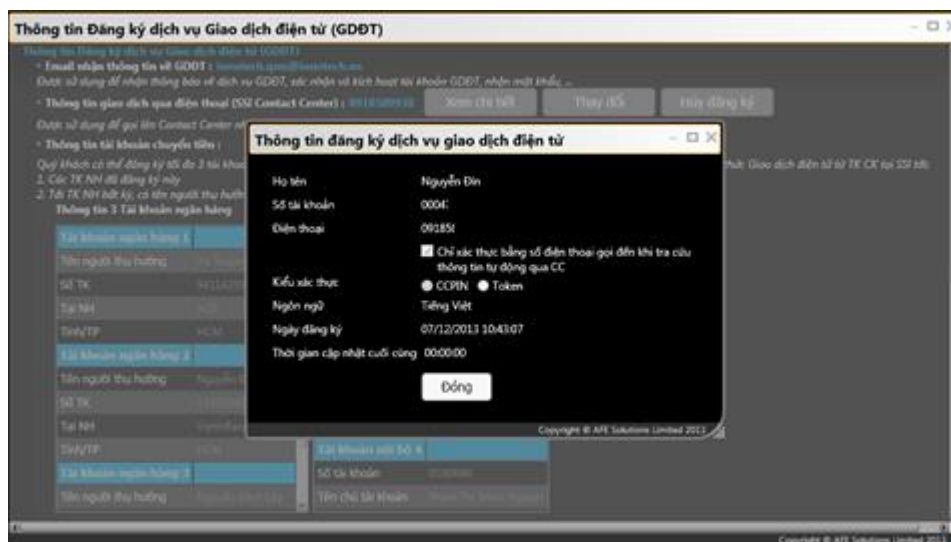
Nguồn ngữ

Tiếng Việt

MS PIN/Token (Web Trading)

Copyright © AFS Solutions Limited 2013

18. Màn hình đăng ký thông tin GDĐT



Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Email nhận thông tin về GDĐT : issinotachay@issinotachay.com

Được sử dụng để nhận thông báo về dịch vụ GDĐT, xác nhận và kích hoạt tài khoản GDĐT, nhận mật khẩu ...

Thông tin giao dịch qua điện thoại (SSI Contact Center) : 0818509910

Được sử dụng để gọi lên Contact Center ...

Thông tin tài khoản chuyển tiền :

Quý khách có thể đăng ký từ 3 tài khoản:

1. Các TK NH để đăng ký này

2. Tài TK NH bất kỳ, có tên người thụ hưởng

Thông tin 3 Tài khoản ngân hàng

Tài khoản ngân hàng 1	Tài khoản ngân hàng 2	Tài khoản ngân hàng 3	Tài khoản mới bỏ 4
Tên người thụ hưởng	Tên người thụ hưởng	Tên người thụ hưởng	Tên người thụ hưởng
Số TK	Số TK	Số TK	Số tài khoản
Tại NH	Tại NH	Tại NH	Tên chủ tài khoản
Tỉnh/TP	Tỉnh/TP	Tỉnh/TP	

Thông tin đăng ký dịch vụ giao dịch điện tử

Họ tên

Số tài khoản

Điện thoại

☒ Chỉ xác thực bằng số điện thoại gọi đến khi tra cứu thông tin tự động qua CC

☒ CCPIN ☐ Token

Kiểu xác thực

Nguồn ngữ

Ngày đăng ký

Thời gian cập nhật cuối cùng

Copyright © AFS Solutions Limited 2013

19. Màn hình xem lại chi tiết thông tin đăng ký GDĐT

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

- Email nhận thông tin về GDĐT: info@ssipro.vn
- Được sử dụng để nhận thông báo về dịch vụ GDĐT, xác nhận và kích hoạt tài khoản GDĐT, nhận mật khẩu ...
- Thông tin giao dịch qua điện thoại (SSI Contact Center): 0918509938
- Xem chi tiết
- Thay đổi
- Hủy đăng ký

Được sử dụng để gọi lên Contact Center nhận thông tin về GDĐT

Thông tin tài khoản chuyển tiền:

Quý khách có thể đăng ký từ 3 tài khoản

1. Các TK NH đã đăng ký này

2. Tài TK NH bất kỳ, có tên người thụ hưởng

Thông tin 3 Tài khoản ngân hàng

Tài khoản ngân hàng 1
Tên người thụ hưởng: Vũ Tuấn
Số TK: 9411435
Tại NH: ACB
Tỉnh/TP: HCM

Tài khoản ngân hàng 2
Tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn
Số TK: 1180000
Tại NH: Vietcombank
Tỉnh/TP: HCM

Tài khoản ngân hàng 3
Tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn
Số TK: 1180000
Tại NH: Vietcombank
Tỉnh/TP: HCM

Tài khoản nội bộ
Số tài khoản: 0100096
Tên chủ tài khoản: Phạm Thị Minh Nguyệt

Cập nhật thông tin đăng ký dịch vụ giao dịch điện tử SSI

Họ tên: _____

Số tài khoản: 000

Điện thoại: _____

☒ Chỉ xác thực bằng số điện thoại gọi đến khi tra cứu thông tin tự động qua CC

☒ CCPIN ☐ Token

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

Mã PIN/Token (Web Trading): _____

Cập nhật

Đóng

Copyright © ATE Solutions Limited 2013

20. Màn hình thay đổi thông tin đăng ký GDĐT

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

Thông tin Đăng ký dịch vụ Giao dịch điện tử (GDĐT)

- Email nhận thông tin về GDĐT: info@ssipro.vn
- Được sử dụng để nhận thông báo về dịch vụ GDĐT, xác nhận và kích hoạt tài khoản GDĐT, nhận mật khẩu ...
- Thông tin giao dịch qua điện thoại (SSI Contact Center): 0918509938
- Xem chi tiết
- Thay đổi
- Hủy đăng ký

Được sử dụng để gọi lên Contact Center nhận thông tin về GDĐT

Thông tin tài khoản chuyển tiền:

Quý khách có thể đăng ký từ 3 tài khoản

1. Các TK NH đã đăng ký này

2. Tài TK NH bất kỳ, có tên người thụ hưởng

Thông tin 3 Tài khoản ngân hàng

Tài khoản ngân hàng 1
Tên người thụ hưởng: Vũ Tuấn
Số TK: 9411435
Tại NH: ACB
Tỉnh/TP: HCM

Tài khoản ngân hàng 2
Tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn
Số TK: 1180000
Tại NH: Vietcombank
Tỉnh/TP: HCM

Tài khoản ngân hàng 3
Tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn
Số TK: 1180000
Tại NH: Vietcombank
Tỉnh/TP: HCM

Tài khoản nội bộ
Số tài khoản: 0100096
Tên chủ tài khoản: Phạm Thị Minh Nguyệt

Thông tin đăng ký dịch vụ giao dịch điện tử

Họ tên: _____

Số tài khoản: 000

Điện thoại: 09185

☒ Chỉ xác thực bằng số điện thoại gọi đến khi tra cứu thông tin tự động qua CC

☒ CCPIN ☐ Token

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

Ngày đăng ký: 07/12/2013 10:43:07

Thời gian cập nhật cuối cùng: 00:00:00

Mã PIN/Token (Web Trading): _____

Hủy đăng ký

Đóng

Copyright © ATE Solutions Limited 2013

21. Màn hình hủy đăng ký GDĐT

3.12.6.4 Danh sách tài khoản nội bộ

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin đăng ký dịch vụ Giao Dịch Điện Tử (GDĐT)

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

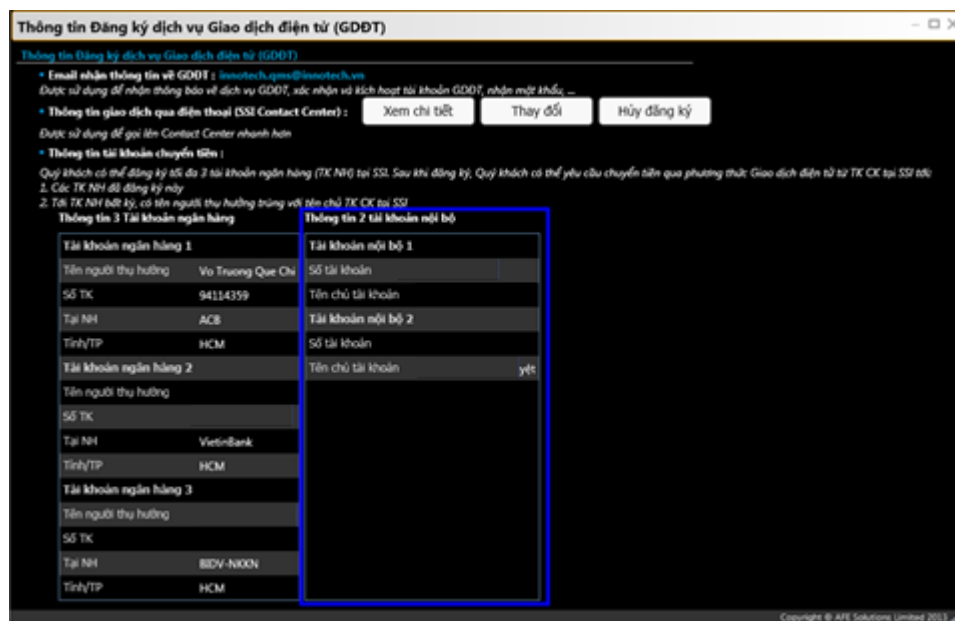
Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



22. Thao tác vào xem danh sách TK nội bộ



23. Màn hình xem danh sách TK nội bộ

3.12.6.5 Danh sách tài khoản ngân hàng đăng ký trước

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin đăng ký dịch vụ Giao Dịch Điện Tử (GDĐT)

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

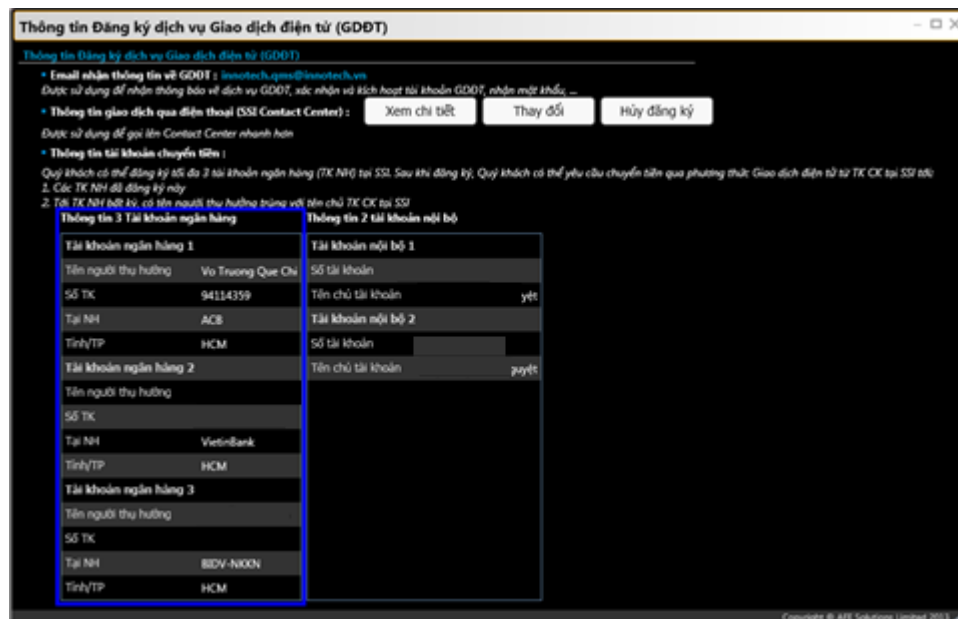
Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



24. Thao tác vào xem danh sách TK ngân hàng đăng ký trước



25. Màn hình xem danh sách TK ngân hàng

3.12.6.6 Danh sách khách hàng ủy quyền quản lý

Từ Menu chính → Giao Dịch → Danh sách đa tài khoản

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



26. Thao tác vào xem danh sách đa tài khoản



27. Màn hình xem danh sách đa tài khoản

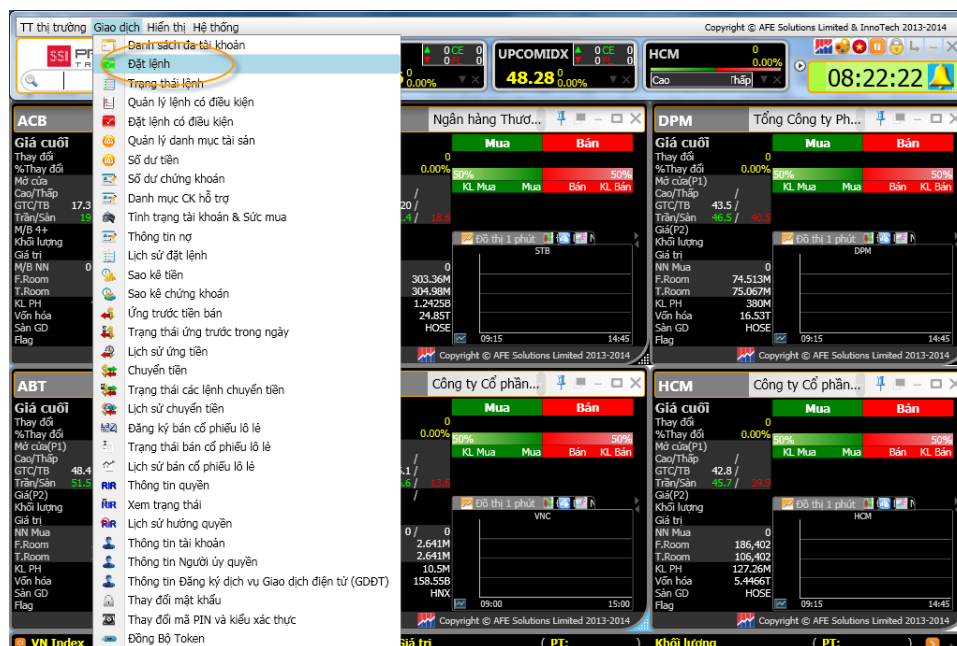
Chọn tài khoản mặc định bằng cách check chọn hoặc gõ 7 số tài khoản vào ô TK mặc định → chọn xác nhận để chọn tài khoản mặc định sử dụng trong suốt phiên đăng nhập.

3.13 Quản lý Giao dịch (FO_TF)

3.13.1 Quản lý đặt lệnh thường (FO_TF_OE)

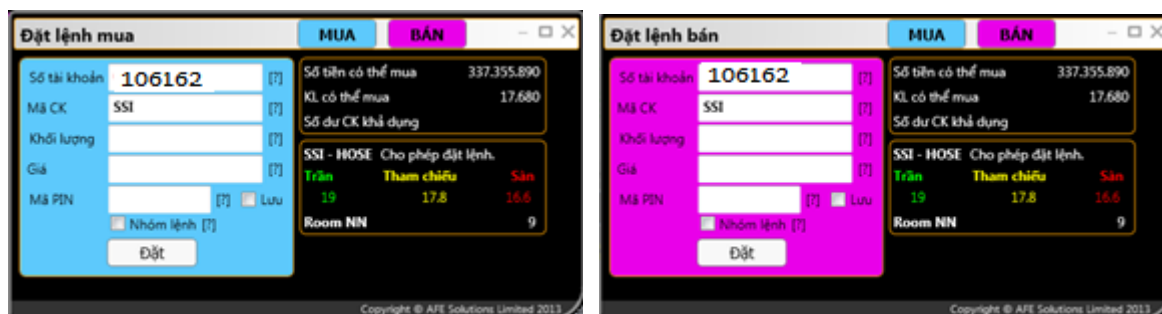
3.13.1.1 Lệnh Mua/ Bán

Từ Menu chính → Giao Dịch → Đặt lệnh



28. Thao tác vào đặt lệnh

Chọn Mua hoặc Bán để chuyển sang màn hình đặt lệnh Mua/ Bán



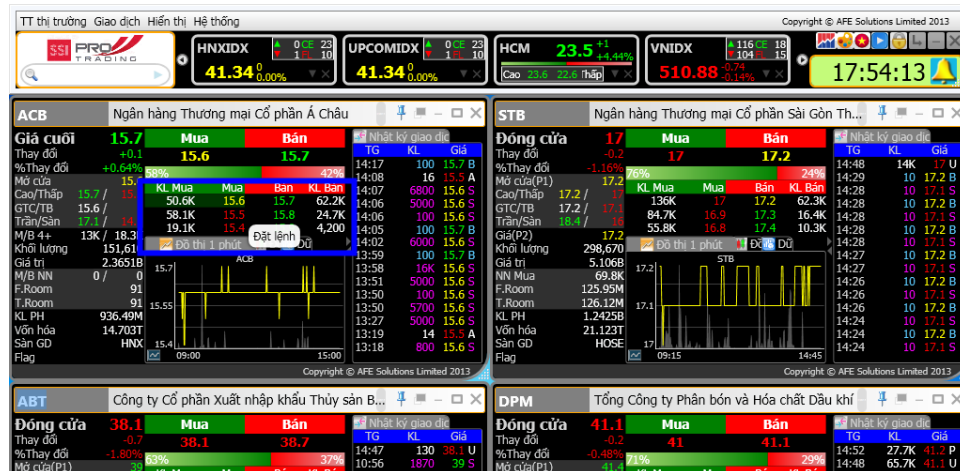
29. Đặt lệnh Mua/ Bán

Hoặc từ màn hình xem thông tin mã chứng khoán, chọn vào giá Mua/ Bán để thực hiện lệnh Mua/ Bán

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



30. Đặt lệnh Mua/ Bán từ màn hình xem chi tiết mã CK

Hoặc vào màn hình đặt lệnh từ menu chính → Hiện thị → chọn F6



31. Đặt lệnh mua/ bán thường từ màn hình hiển thị nhanh

3.13.1.2 Chia lệnh tự động

Đối với lệnh Mua/Bán có khối lượng vượt quá khối lượng cho phép trong 1 lệnh đặt của các Sở giao dịch chứng khoán, hệ thống tự động chia thành các lệnh nhỏ với KL hợp lệ để gửi vào hệ thống

32. Đặt lệnh Mua với KL vượt quá cho phép

Chia lệnh

Quý khách có thật sự muốn đặt lệnh **MUA**

Mã CK: EIB
 Khối lượng: 20.000
 Giá: 12,2 đồng
 Giá trị lệnh đặt: 244.000.000 đồng
 (chưa bao gồm phí giao dịch và thuế)
 Tài khoản: 000 1 (Tài khoản thường)

Hệ thống chia làm các lệnh như sau:

STT	Loại lệnh	Cổ phiếu	Số lượng	Giá	Tình trạng
1	Mua	EIB	19.990	12,2	Chờ xử lý
2	Mua	EIB	10	12,2	Chờ xử lý

Tổng cộng: 20.000

Đơn vị giá: 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

Đặt lệnh Hủy

Copyright © APE Solutions Limited 2013

33.Chia lệnh tự động

Chọn một/ vài hoặc tất cả các lệnh sau khi hệ thống tự chia nhỏ với KL mỗi lệnh nằm trong quy định → chọn Đặt lệnh để thực hiện thao tác gửi lệnh → Chọn Đóng.

Chọn Hủy để thực hiện đặt lại lệnh khác.

Chia lệnh

Quý khách có thật sự muốn đặt lệnh **MUA**

Mã CK: EIB
 Khối lượng: 20.000
 Giá: 12,2 đồng
 Giá trị lệnh đặt: 244.000.000 đồng
 (chưa bao gồm phí giao dịch và thuế)
 Tài khoản: 00 71 (Tài khoản thường)

Hệ thống chia làm các lệnh như sau:

STT	Loại lệnh	Cổ phiếu	Số lượng	Giá	Tình trạng
1	Mua	EIB	19.990	12,2	Đã xử lý
2	Mua	EIB	10	12,2	Đã xử lý

Tổng cộng: 20.000

Đơn vị giá: 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

Đóng

Copyright © APE Solutions Limited 2013

34.Xác nhận đặt lệnh

3.13.1.3 Nhóm lệnh

Cho phép đặt cùng lúc nhiều lệnh Mua/ Bán giống nhau với KL tăng/ giảm dần, với giá tăng/ giảm dần so với lệnh ban đầu.



GGG - HNX Cho phép đặt lệnh.			
Trên	Tham chiếu	Sản	
1.3	1.2	1.1	
Room NN			4.047.629

35. Đặt Mua nhóm lệnh

Tại màn hình đặt lệnh Mua/ Bán, sau khi nhập tất cả các thông tin mã CK, KL, Giá, Mã PIN → check chọn vào ô Nhóm lệnh để xác nhận đặt lệnh nhóm.

Đơn vị giá: 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

36. Đặt nhóm lệnh

STT	Loại lệnh	Cổ phiếu	Số lượng	Giá	Tình trạng
1	Mua	GGG	100	1,1	Chờ xử lý
2	Mua	GGG	100	1,2	Chờ xử lý
3	Mua	GGG	100	1,3	Chờ xử lý

Tổng cộng: 300

Đơn vị giá: 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

37. Xác nhận lệnh đặt nhóm



38.Xác nhận đã nhận lệnh

3.13.1.4 Hủy lệnh

Để thực hiện thao tác Hủy Lệnh, chọn lệnh cần hủy trong danh sách Trạng Thái Lệnh



39.Danh sách lệnh đặt trong ngày

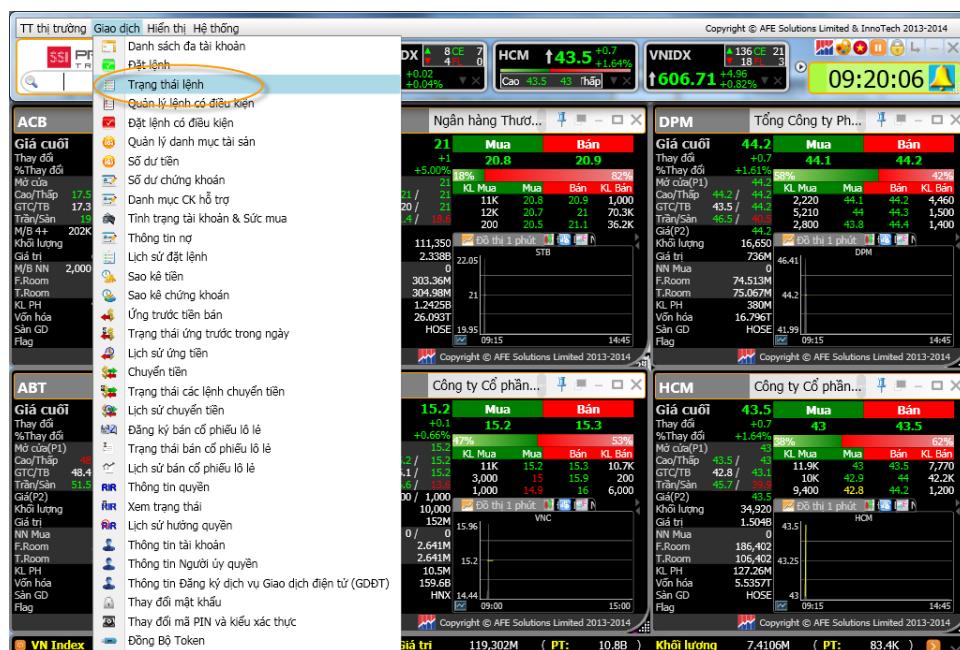
3.13.2 Quản lý trạng thái lệnh (FO_TF_OS)

Từ Menu chính → Giao Dịch → Trạng thái lệnh

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
 Người lập: Lê Tường Vân
 Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

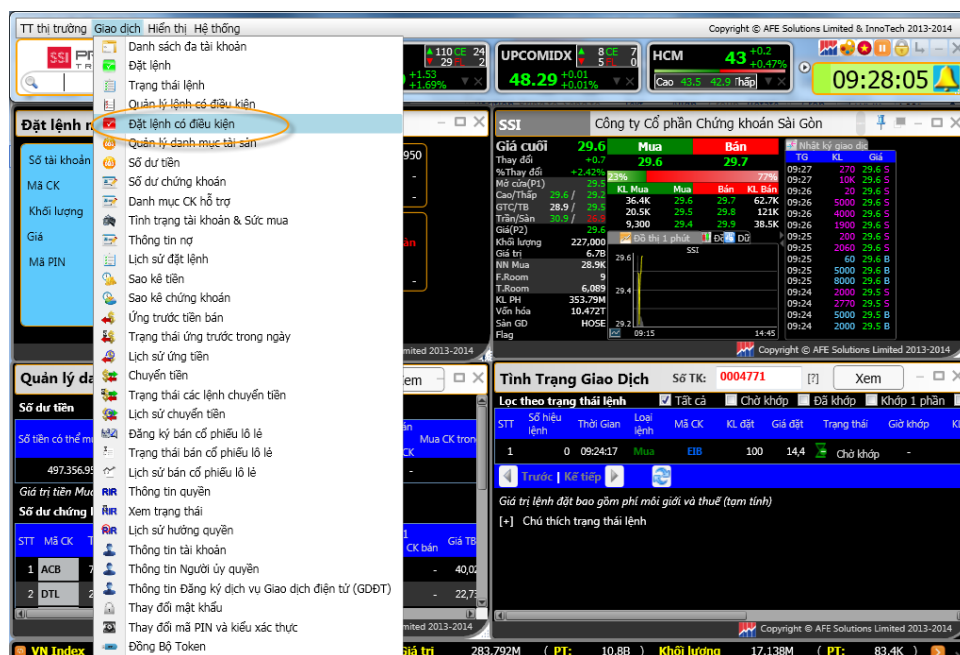


40. Thao tác xem danh sách trạng thái lệnh đặt

Tinh Trạng Giao Dịch														
Số TK: 0004 1														
Lọc theo trạng thái lệnh														
STT	Số hiệu lệnh	Thời gian	Lệnh	Mô CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	Giá khớp	KL khớp	Giá khớp	Giá hủy	KL hủy	Giá lệnh đặt	Thao tác
1	18:14:11	Mua	GGG	100	1,2	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	130.520	Pro Trading Hủy
2	18:14:11	Mua	GGG	100	1,1	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	110.440	Pro Trading Hủy
3	18:10:35	Mua	EEB	10	12,2	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	122.488	Pro Trading Hủy
4	18:10:34	Mua	EEB	19.990	12,2	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	244.853.512	Pro Trading Hủy
5	09:10:00	Mua	SSI	5.000	18,9	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	94.878.000	Mobile Trading Hủy
6	09:10:00	Mua	SSI	5.000	18,7	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	93.874.000	Mobile Trading Hủy
7	09:10:00	Mua	SSI	5.000	18,5	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	92.870.000	Mobile Trading Hủy
8	09:10:00	Mua	SSI	5.000	18,3	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	91.866.000	Web Trading Hủy
9	09:10:00	Mua	SSI	5.000	18,1	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	90.862.000	Mobile Trading Hủy
10	09:10:00	Mua	SSI	5.000	17,9	Dang chờ	-	-	-	-	-	-	89.858.000	Web Trading Hủy

3.13.3 Quản lý đặt lệnh có điều kiện (FO_TF_COO)

Để đặt lệnh có điều kiện, từ thanh menu chính chọn Đặt lệnh có điều kiện



41. Đặt lệnh có điều kiện

Chọn loại lệnh điều kiện trong màn hình đặt lệnh điều kiện



42. Chọn loại lệnh điều kiện

3.13.4 Quản lý trạng thái lệnh đặt có điều kiện (FO_TF_COO_OM)

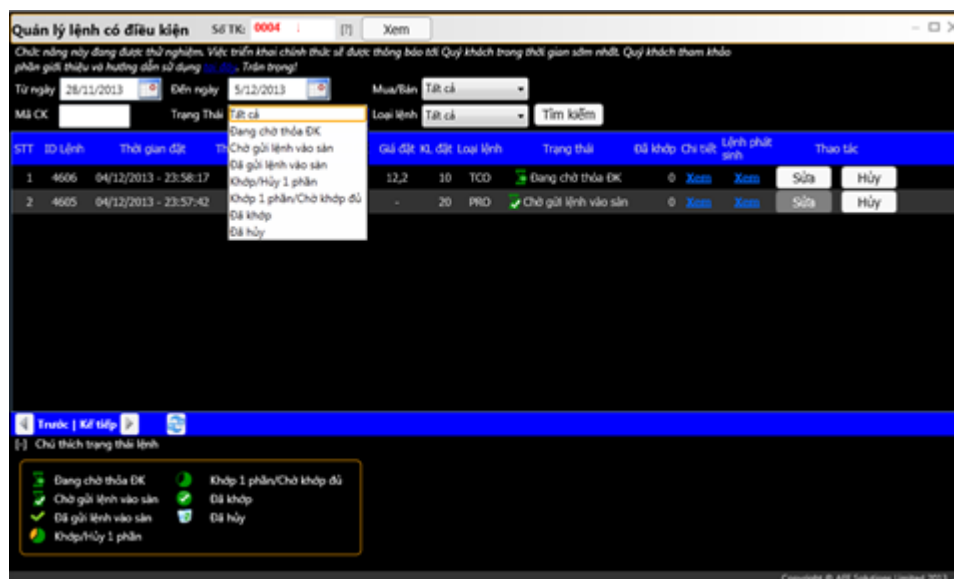


43. Thao tác xem màn hình quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện



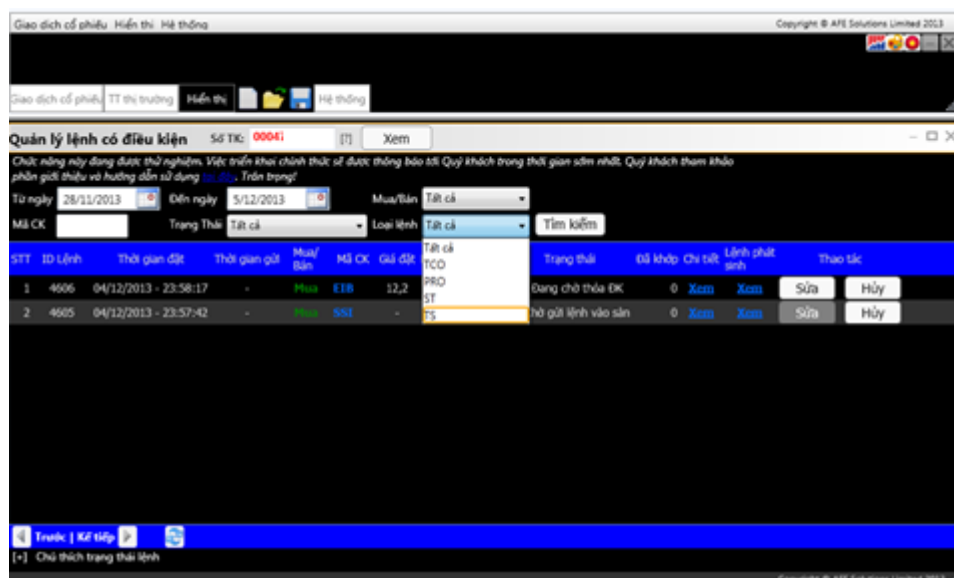
44. Quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện

3.13.4.1 Hỗ trợ lọc danh sách theo trạng thái lệnh đặt



45. Lọc theo trạng thái lệnh

3.13.4.2 Hỗ trợ lọc danh sách theo loại lệnh đặt



46. Lọc theo loại lệnh đặt

3.14 Quản lý danh mục tài sản (FO_CM)

3.14.1 Quản lý danh mục đầu tư (FO_CM_PM)

Từ Menu → chọn Giao dịch → chọn Quản lý danh mục tài sản

Số dư tiền

Số TK: 0004

Xem

Số tiền cũ

Tiền cũ

Số tiền mới

Tiền mới

Mua CK

Bán CK

Mua CK

Bán CK

Mua CK

Bán CK

Gia trị giao dịch chưa thanh toán

Mua CK trong ngày TĐ

Bán CK trong ngày TĐ

Hợp

Gửi Lệnh

337,355,890

337,355,890

-

-

-

-

-

-

-

-

MUA

Gia trị tiền Mua/Bán trong ngày TĐ chưa tính phí mỗi giao dịch thuế.

Đơn vị giá: 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

Copyright © AIT Solutions Limited 2013

50. Quản lý số dư tiền TK thường

Số dư tiền

Số TK: 0004

Xem

Số tiền có/Thu mua

Tiền có/Thu xu

Số tiền thanh toán

Gửi đi giao dịch chưa thanh toán

T2

T1

Mua CK trong ngày T0

Bán CK trong ngày T0

Họ

Dữ liệu

Mua CK

Bán CK

Mua CK

Bán CK

6.142.604.860

300.184.990

-

-

-

-

-

-

-

-

MUA

Gửi đi tiền Mua/Bán trong ngày T0 chưa tính phí mỗi gửi và thu.

Đơn vị tiền: 1000 đồng

Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu

Đơn vị tiền: đồng

Copyright © AFS Solutions Limited 2023

51. Quản lý số dư tiền TK Margin

Số dư chứng khoán															
STT	Mã CK	Tổng	CK mua chung	CK cầm cố	Hưởng quyền	T2 CK mua	T1 CK bán	CK bán	Gia TB	Gia H	Gia TT	Gia H TT			
										Lãi lỗ dự tính	Nhũn lỗ dự tính				
1	ACB	77.990	77.990	-	-	-	-	-	40,02	3.321.339.800	13,6	3.216.644.000	-1.694.133.800	-61,60%	BÁN
2	DTL	24.800	24.800	-	-	-	-	-	22,73	545.520.000	11,3	271.200.000	-274.320.000	-50,29%	BÁN
3	HHV	94.570	94.570	-	-	-	-	-	40,63	3.841.433.400	25,4	2.402.078.000	-1.439.355.400	-37,47%	BÁN
4	NVL	86.240	86.240	-	-	-	-	-	39,46	3.403.030.400	15,7	1.353.968.000	-2.049.062.400	-60,21%	BÁN
5	PAN	144.000	144.000	-	-	-	-	-	33,59	4.836.960.000	33	4.752.000.000	-84.960.000	-1,76%	BÁN
6	PVD	42	42	-	-	-	-	-	-	-	63	2.646.000	-	-%	BÁN
7	SZL	600	600	-	-	-	-	-	49,6	29.790.000	16,8	10.580.000	-19.210.000	-64,17%	BÁN
8	TNC	18.552	18.866	-	1.686	-	-	-	3,26	54.983.340	4,1	69.150.600	14.167.260	25,77%	BÁN
9	TSA	4.200	4.200	-	-	-	-	-	-	-	9,5	39.900.000	-	-%	BÁN
10	VNMV	120.000	120.000	-	-	-	-	-	9,63	3.355.600.000	-	-	-	-%	BÁN

52. Quản lý số dư CK TK thường

Số dư chứng khoán

Số TK: 00041

Xem

STT	Mã CK	Tổng	CK đang duy	CK chờ xử	Hướng quyết	Tỷ lệ tự	T2 CK mua	T2 CK bán	T3 CK mua	T3 CK bán	Gia TB	Gia trị	Gia TT	Gia H TT	Lãi/Lỗ dự tính	Nợ/Lãi dự tính	Đặt lệnh
1	HAG	99.412	99.412	-	-	60	-	-	-	-	51,3	5.099.815.600	20,9	2.077.710.800	-3.022.124.800	-59,26%	BÁN
2	HPG	138.000	138.000	-	-	60	-	-	-	-	44,76	6.176.880.000	40	5.520.000.000	-656.880.000	-10,63%	BÁN
TỔNG CỘNG												11.276.715.600		7.597.710.800	3.679.004.800	-32,42%	

Trên | KZ tiếp

Gia trị Lãi/Lỗ chỉ là tạm tính, chưa bao gồm phí mua/giá và thuế khi Quý khách bán chứng khoán

Gia TB được làm tròn đến hàng trăm sau dấu thập phân.

Đơn vị giá: 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

53.Quản lý số dư CK TK Margin

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



Tình trạng tài khoản và Sức mua

SỨC MUA CP THEO TỶ LỆ HỖ TRỢ		SỨC MUA TÀI SẢN THỰC CỐ KHÍ CHAM CÁN BẢO XỬ LÝ (16)	
TỔNG TÀI SẢN (1)	10.534.779.860	GT KỶ QUỸ BẮT BUỘC (7)	6.260.616.000
TỔNG NỢ (2)	-	GT KỶ QUỸ LỆNH MUA (8)	-
TÀI SẢN THỰC CỐ (3)	10.534.779.860	GT KỶ QUỸ LỆNH BÁN	-
SỐ DƯ TIỀN MẶT (4)	100.419.860	SỨC MUA TỐI THIỂU (9)	4.274.163.860
GT DANH MỤC HIỆN TẠI (5)	10.434.360.000	SỨC MUA TỐI ĐA (10)	8.548.327.720
TÀI KHOẢN ĐÁM BẢO KHÁC (6)	-	TÀI SẢN THỰC CỐ CÁN DUY TRÌ (14)	3.652.026.000
NỢ (2)	-	TÀI SẢN CÁN BỔ SUNG (15)	6.882.753.860
TIỀN MUA NGÀY T2 (24)	-	TIỀN MUA TRONG NGÀY (20)	-
TIỀN BÁN NGÀY T2 (25)	-	TIỀN BÁN TRONG NGÀY (22)	-
TIỀN MUA CHỜ KHỚP (26)	-	TIỀN BÁN CHỜ KHỚP	-
SỨC MUA TỐI THIỂU ĐÁM BẢO INVESTLINK (28)	4.274.163.860	SỨC MUA TỐI ĐA ĐÁM BẢO INVESTLINK (29)	8.548.327.720

[?] Giải thích thuật ngữ

- Tổng tài sản (1): Là tổng giá trị tài sản trong tài khoản bao gồm: Số dư tiền mặt + GT danh mục hiện tại tính theo GTTT và tỷ lệ quy định + Tài sản đảm bảo khác + Giá trị tiền khách hàng đang nợ công ty chứng khoán (chưa bao gồm lãi vay trong tháng).
- Tổng nợ (2): Tổng nợ / nợ: Tổng số tiền khách hàng trong tài khoản, bao gồm Tổng tài sản trong tài khoản - Tổng Nợ.
- Tài sản thực có (3): Là giá trị tài sản thực có của khách hàng trong tài khoản, bao gồm Tổng tài sản trong tài khoản - Tổng Nợ.
- Số dư tiền mặt (4): Số dư tiền mặt trong tài khoản, bao gồm giá trị lệnh đặt mua chưa khớp, (chỉ có thông tin khi TK không còn nợ).
- GT danh mục hiện tại (5): Giá trị OK trong danh mục (lần cổ, chờ về, quyền chứng khoán) được tính như sau: 2%SLCP x Giá trị trường x Tỉ lệ tính T500).
- Tài khoản đảm bảo khác (6): Cổ tức bằng tiền chờ về (Colateral): Giá trị quyền nhận cổ tức bằng tiền đã được chốt trên TK kỳ quỹ (đã trừ thuế thu nhập như quy được tính như sau: 2%SLCP x Giá trị trường x Tỉ lệ tính T500 x Tỉ lệ kỳ quỹ) + Giá trị T500 khác.
- GT kỳ quỹ bắt buộc (7): GT kỳ quỹ cần cho các GD mua chưa khớp.
- GT kỳ quỹ lệnh mua (8): Sức mua đối với cổ phiếu có Tỉ lệ hỗ trợ là 0% + Vốn chủ sở hữu - GT kỳ quỹ bắt buộc - GT kỳ quỹ lệnh mua (khi có lệnh mua chưa đầy là cơ sở để tính Sức mua tối đa cho từng mã OK tương ứng với Tỉ lệ kỳ quỹ).
- Sức mua tối thiểu (9): Sức mua đối với cổ phiếu có Tỉ lệ hỗ trợ thấp nhất.
- Sức mua tối đa (10): Là tỉ lệ kỳ quỹ thấp nhất khi phải duy trì. Khi tỷ lệ kỳ quỹ hiện tại < tỷ lệ này, KH phải bổ sung tài sản.
- Tỷ lệ kỳ quỹ duy trì (11): Là tỷ lệ CTOK quy định mà tại mức bằng hoặc thấp hơn mức này, CTOK có quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo Tỷ lệ kỳ quỹ duy trì.
- Tỷ lệ kỳ quỹ xử lý (12): Là Tỉ lệ giữa vốn chủ sở hữu so với Tổng tài sản (không bao gồm giá trị tiền bán chờ về) tính theo giá trị trường.
- Tỷ lệ kỳ quỹ hiện tại (13): Được tính như sau: (GT Danh mục hiện tại x Tỉ lệ kỳ quỹ duy trì).
- Tài sản thực có cần duy trì (14):

54. Quản lý tình trạng sức mua TK Margin

3.14.2 Quản lý lịch sử đặt lệnh (FO_CM_OH)

TT thị trường

Giao dịch: Hiển thị: Hệ thống

Danh sách đa tài khoản

Đặt lệnh

Trạng thái lệnh

Quản lý lệnh có điều kiện

Đặt lệnh có điều kiện

Quản lý danh mục tài sản

Số dư tiền

Số dư chứng khoán

Danh mục CK hỗ trợ

Tình trạng tài khoản & Sức mua

Thông tin nợ

Lịch sử đặt lệnh

Sao kê tiền

Sao kê chứng khoán

Ứng trước tiền bán

Trạng thái ứng trước trong ngày

Lịch sử ứng tiền

Chuyển tiền

Trạng thái các lệnh chuyển tiền

Lịch sử chuyển tiền

Giá cuối

Thay đổi

% Thay đổi

Mở cửa

Cao/Thấp

GT/C/TB

Tiền/Sàn

M/B 4+

Khối lượng

Giá trị

N/B NN

F.Room

T.Room

KL PH

Vốn hóa

Sàn GD

Flag

ABT

Giá cuối

Thay đổi

% Thay đổi

Mở cửa

Cao/Thấp

GT/C/TB

Tiền/Sàn

M/B 4+

Khối lượng

Giá trị

N/B NN

F.Room

T.Room

KL PH

Vốn hóa

Sàn GD

Flag

Copyright © AFE Solutions Limited & InnoTech 2013-2014

55. Thao tác xem danh sách lịch sử đặt lệnh

Lịch Sử Đặt Lệnh

Số TK: 0004

Xem

Từ ngày 28/10/2013

Đến ngày 5/12/2013

Mã CK

Trạng thái lệnh Tất cả

Kinh đặt lệnh Tất cả

Tìm kiếm

STT	Ngày GD	Số hiệu lệnh	Loại lệnh	Mã CK	Khối lượng	Giá KL khớp	Giá khớp	KL hủy	PH GD	Thuế	Thành tiền	Trạng thái lệnh	Kinh đặt lệnh	
1	03/12/2013 09:08:39	1076	Bán	TTP	1.000	25	1.000	25	-	-	25.000.000	Đã khớp	Web Trade	
2	22/11/2013 09:05:40	1003	Bán	AAM	1.000	15,9	1.000	15,9	-	-	15.900.000	Đã khớp	Web Trade	
3	18/11/2013 15:59:56	1	Bán	RIL	1.000	25	1.000	25	-	-	25.000.000	Đã khớp	Web Trade	
4	12/11/2013 09:46:15	2822	Bán	S23	600	12	600	12	-	14.400	7.200	7.178.400	Đã khớp	Mô giới/Đạo dịch
5	12/11/2013 15:59:56	500	Bán	RIL	1.000	25	1.000	25	-	-	25.000.000	Đã khớp	Web Trade	

Trước | Kế tiếp

Dữ liệu chỉ được truy vấn trong 3 tháng.

Đơn vị giá 1000 đồng - Đơn vị khối lượng: 1 cổ phiếu - Đơn vị tiền: đồng

Copyright © AFE Solutions Limited 2013

56. Quản lý lịch sử đặt lệnh

Hỗ trợ lọc dữ liệu theo trạng thái lệnh đặt

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



STT	Ngày	Trạng thái lệnh	Loại lệnh	Mã CK	Khối lượng	Giá	KL khớp	Giá khớp	KL hủy	Phí GD	Thuế	Thành tiền	Trạng thái lệnh	Kênh đặt lệnh
1	03/12/2013	Đã khớp	Bán	TTP	1,000	25	1,000	25	-	-	-	25,000.000	Đã khớp	Web Trade
2	22/11/2013	Đã hủy	Mua	ACM	1,000	15.9	1,000	15.9	-	-	-	15,900.000	Đã khớp	Web Trade
3	18/11/2013 15:59:56	Đã khớp	Bán	R11	1,000	25	1,000	25	-	-	-	25,000.000	Đã khớp	Web Trade
4	12/11/2013 09:46:15	Đã khớp	Bán	S21	600	12	600	12	-	14,400	7,200	7,178,400	Đã khớp	Môi giới/Giao dịch
5	12/11/2013 15:59:56	Đã khớp	Bán	R11	1,000	25	1,000	25	-	-	-	25,000.000	Đã khớp	Web Trade

57. Lọc theo trạng thái lệnh

Hỗ trợ lọc dữ liệu theo kênh đặt lệnh

STT	Ngày GD	Số lệnh	Loại lệnh	Mã CK	Khối lượng	Giá	KL khớp	Giá khớp	KL hủy	Phí GD	Thuế	Thành tiền	Trạng thái lệnh	Kênh đặt lệnh
1	03/12/2013	Đã khớp	Bán	TTP	1,000	25	1,000	25	-	-	-	25,000.000	Đã khớp	Web Trade
2	22/11/2013	Đã hủy	Mua	ACM	1,000	15.9	1,000	15.9	-	-	-	15,900.000	Đã khớp	Web Trade
3	18/11/2013 15:59:56	Đã khớp	Bán	R11	1,000	25	1,000	25	-	-	-	25,000.000	Đã khớp	Web Trade
4	12/11/2013 09:46:15	Đã khớp	Bán	S21	600	12	600	12	-	14,400	7,200	7,178,400	Đã khớp	Môi giới/Giao dịch
5	12/11/2013 15:59:56	Đã khớp	Bán	R11	1,000	25	1,000	25	-	-	-	25,000.000	Đã khớp	Web Trade

58. Lọc theo kênh đặt lệnh

3.14.3 Quản lý sao kê tiền (FO_CM_CAH)

TT thị trường	Giao dịch	Hiện thị	Hệ thống
ACB	Giá cuối	Thay đổi	%Thay đổi
ABT	Giá cuối	Thay đổi	%Thay đổi
HCM	Giá cuối	Thay đổi	%Thay đổi

59. Thao tác xem sao kê tiền

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0
Người lập: Lê Tường Vân
Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014



Sao kê tiền Số TK: 00047 Xem

Từ ngày 5/10/2013 Đến ngày 5/12/2013 Tìm kiếm

STT	Ngày	Đến giá	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư kỳ kế
1		Số dư đầu kỳ	0	0	802.554,73
2	31/10/2013	Lãi tiền gửi:	7.434	0	809.988,73
3	31/10/2013	Thuế lãi tiền gửi:	0	372	809.616,73
4	01/11/2013	Nộp tiền 31/01/CH-2	17.000.000	0	17.809.616,73
5	01/11/2013	Rút tiền 31/01/WH-2	0	17.000.000	809.616,73
6	30/11/2013	Lãi tiền gửi:	1.524.337	0	2.333.953,73
7	30/11/2013	Thuế lãi tiền gửi:	0	76.217	2.257.736,73
8		Số dư cuối kỳ	0	0	2.257.736,73

Trước | Kế tiếp

Dữ liệu của quý khách chỉ tồn tại trong 3 tháng.
Các GD tiền phát sinh trong ngày sẽ không được cập nhật vào Sao kê cho đến cuối ngày giao dịch. Theo dõi số liệu trên Sao kê chỉ hiện thị tới ngày GD gần nhất trước đó.

Copyright © AFE Solutions Limited 2013

60. Sao kê tiền TK thường

Sao kê tiền Số TK: 00016 Xem

Từ ngày 5/10/2013 Đến ngày 5/12/2013 Tìm kiếm

STT	Ngày	Đến giá	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư kỳ kế
1		Số dư đầu kỳ	0	0	247.915.616
2	07/10/2013	Thanh toán quyền mua (0) (1) ngày (2):	0	246.600.000	1.315.616
3	16/10/2013	Rút tiền 31/01/WH-2	0	700.000	615.616
4	16/10/2013	Rút tiền 31/01/WH-2	0	22.000	593.616
5	31/10/2013	Lãi tiền gửi:	34.416	0	628.032
6	31/10/2013	Thuế lãi tiền gửi:	0	1.721	626.311
7	30/11/2013	Lãi tiền gửi:	82.280	0	708.591
8	30/11/2013	Thuế lãi tiền gửi:	0	4.114	704.477
9		Số dư cuối kỳ	0	0	704.477

Trước | Kế tiếp

Dữ liệu của quý khách chỉ tồn tại trong 3 tháng.
Các GD tiền phát sinh trong ngày sẽ không được cập nhật vào Sao kê cho đến cuối ngày giao dịch. Theo dõi số liệu trên Sao kê chỉ hiện thị tới ngày GD gần nhất trước đó.

Copyright © AFE Solutions Limited 2013

61. Sao kê tiền TK Margin

3.14.4 Quản lý sao kê chứng khoán (FO_CM_SEH)

TT thị trường Giao dịch Hiện thị Hệ thống

ACB

Giá cuối Thay đổi %Thay đổi Mở cửa Cao/Thấp GTC/TB Tràn/Sản M/B 4+ Khối lượng Giá trị W/B NN F.Room T.Room KL PH Vốn hóa Sản GD Flag

ABT

Giá cuối Thay đổi %Thay đổi Mở cửa(P1) Cao/Thấp GTC/TB Tràn/Sản Giá(P2)

Danh sách đa tài khoản
Đặt lệnh
Trạng thái lệnh
Quản lý lệnh có điều kiện
Đặt lệnh có điều kiện
Quản lý danh mục tài sản
Số dư tiền
Số dư chứng khoán
Danh mục CK hỗ trợ
Tình trạng tài khoản & Sức mua
Thông tin nợ
Lịch sử đặt lệnh
Sao kê tiền
Sao kê chứng khoán
Ứng trước tiền bán
Trạng thái ứng trước trong ngày
Lịch sử ứng tiền
Chuyển tiền
Trạng thái các lệnh chuyển tiền
Lịch sử chuyển tiền
Đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ
Trạng thái bán cổ phiếu lô lẻ
Lịch sử bán cổ phiếu lô lẻ
Thông tin quyền

Nghân hàng Thươ...
Mua Bán
Giá cuối 42.8
Thay đổi +0.2
%Thay đổi +4.00%
Mở cửa(P1) 20.8
Cao/Thấp 20.8
GTC/TB 20.8
Tràn/Sản 20.8
Giá(P2) 20.8
Khối lượng 268,050
Giá trị 5.618
NN Mua 0
F.Room 303.36M
T.Room 304.98M
KL PH 20.9
Vốn hóa 1.2425B
Sản GD 25.844T
Flag HOSE

Công ty Cổ phần...
Mua Bán
Giá cuối 15.5
Thay đổi +0.4
%Thay đổi +2.65%
Mở cửa(P1) 15.2
Cao/Thấp 15.2
GTC/TB 15.2
Tràn/Sản 15.2
Giá(P2) 15.2
Khối lượng 11K
Giá trị 173K
NN Mua 11K
F.Room 11K
T.Room 11K
KL PH 11K
Vốn hóa 11K
Sản GD 11K
Flag HOSE

HCM
Mua Bán
Giá cuối 42.8
Thay đổi 0
%Thay đổi 0.00%
Mở cửa(P1) 42.8
Cao/Thấp 42.8
GTC/TB 42.8
Tràn/Sản 42.8
Giá(P2) 42.8
Khối lượng 500
Giá trị 21,200
NN Mua 500
F.Room 500
T.Room 500
KL PH 500
Vốn hóa 500
Sản GD 500
Flag HOSE

Tổng Công ty Ph...
Mua Bán
Giá cuối 44
Thay đổi +0.5
%Thay đổi +1.15%
Mở cửa(P1) 44
Cao/Thấp 44
GTC/TB 44
Tràn/Sản 44
Giá(P2) 44
Khối lượng 121,930
Giá trị 5,389B
NN Mua 210
F.Room 74,513M
T.Room 186,2M
KL PH 380M
Vốn hóa 16,72T
Sản GD 16,72T
Flag HOSE

Công ty Cổ phần...
Mua Bán
Giá cuối 42.8
Thay đổi 0
%Thay đổi 0.00%
Mở cửa(P1) 42.8
Cao/Thấp 42.8
GTC/TB 42.8
Tràn/Sản 42.8
Giá(P2) 42.8
Khối lượng 500
Giá trị 21,200
NN Mua 500
F.Room 500
T.Room 500
KL PH 500
Vốn hóa 500
Sản GD 500
Flag HOSE

62. Thao tác xem sao kê chứng khoán

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



Sao kê chứng khoán

Số TK: 0004

Từ ngày: 30/10/2013 Đến ngày: 07/12/2013

Tìm kiếm

STT	Ngày	Đến giá	Loại CK	OK	Khả dụng	Hạn chế chuyển nhượng	Cầm cổ	OK hưởng quyền	Đăng ký lưu ký	Số dư
2	ACB	Tổng		77.990	0	0	0	0	0	77.990
4	DTL	Tổng		24.000	0	0	0	0	0	24.000
6	HVG	Tổng		94.570	0	0	0	0	0	94.570
8	NTL	Tổng		86.240	0	0	0	0	0	86.240
10	PAN	Tổng		144.000	0	0	0	0	0	144.000

Trước | Kế tiếp

Dữ liệu chỉ được truy vấn trong 3 tháng.
Các GD chứng khoán phát sinh trong ngày sẽ không được cập nhật vào Sao kê cho đến cuối ngày giao dịch. Theo đó, số liệu trên Sao kê chỉ hiện thị tới ngày GD gần nhất trước đó.

Copyright © AFE Solutions Limited 2013

63. Sao kê chứng khoán

3.14.5 Quản lý thông tin nợ (FO_CM_DI)

TT thị trường

Giao dịch: Hiển thị Hệ thống

Danh sách đa tài khoản

Đặt lệnh

Trạng thái lệnh

Quản lý lệnh có điều kiện

Đặt lệnh có điều kiện

Quản lý danh mục tài sản

Số dư tiền

Số dư chứng khoán

Danh mục CK hỗ trợ

Tình trạng tài khoản & Sức mua

Thông tin nợ

Lịch sử đặt lệnh

Sao kê tiền

Sao kê chứng khoán

Ứng trước tiền bán

Trạng thái ứng trước trong ngày

Lịch sử ứng tiền

Chuyển tiền

Trạng thái các lệnh chuyển tiền

Lịch sử chuyển tiền

Đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ

Trạng thái bán cổ phiếu lô lẻ

Lịch sử bán cổ phiếu lô lẻ

Giá cuối

Thay đổi

%Thay đổi

Mở cửa (P1)

Cao/Thấp

GTQ/TB

Trên/Sàn

M/B 4+

Khối lượng

Giá trị

N/B NN

F.Room

T.Room

KL PH

Vốn hóa

Sân GD

Flag

ABT

Giá cuối

Thay đổi

%Thay đổi

Mở cửa (P1)

Cao/Thấp

42.8

0.00%

42.8 thấp

VNIDX

170

30

2

606.07

+4.32

+0.72%

HNXIDX

136.4

26

3

91.59

+1.22

+1.35%

09:47:56

Ngân hàng Thươ...

Mua

Bán

20.8

20.8

20.9

35%

21

34.5K

20.8

20.9

70.3K

20 / 20.9

54K

20.7

21

118K

40K

20.6

21.1

52.3K

269,720

5,644B

0

303.36M

304.98M

20.9

1,2425B

25.844T

20.8

HOSE

09:15

14:45

Công ty cổ phần...

Mua

Bán

15.5

15.4

15.5

33%

15.2

11K

15.4

15.5

4,000

DPM

Tổng Công ty Ph...

Giá cuối

Thay đổi

%Thay đổi

Mở cửa (P1)

Cao/Thấp

GTQ/TB

Trên/Sàn

M/B 4+

Khối lượng

Giá trị

NN Mua

F.Room

T.Room

KL PH

Vốn hóa

Sân GD

Flag

44

+0.5

+1.15%

44

44.1

22%

44

5,110

44

44.1

13K

43.5 / 44.2

5,100

43.9

44.2

29.7K

40.5 / 40.5

10.5K

43.8

44.3

32.3K

121,930

5,389B

210

74.513M

75.067M

44.2

380M

16,72T

HOSE

09:15

14:45

Công ty cổ phần...

Mua

Bán

42.8

42.7

42.8

58%

42.5

500

42.7

42.8

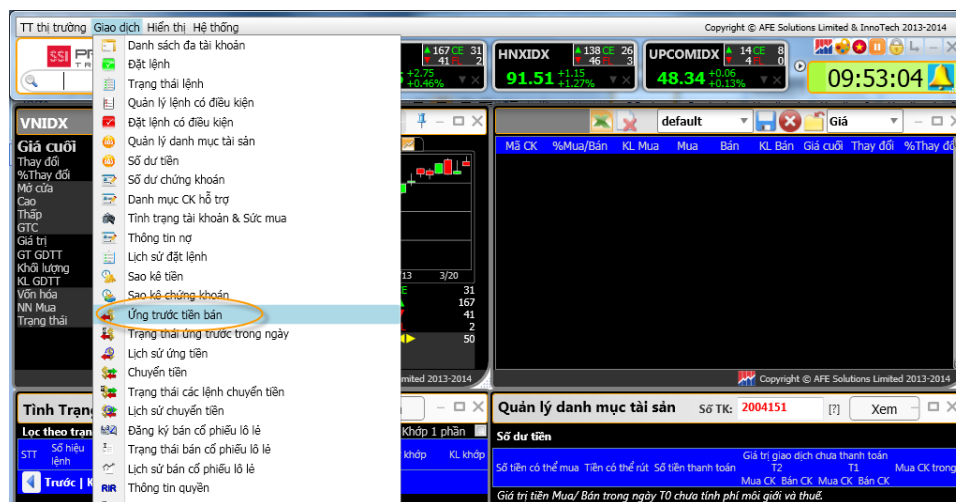
2,250

64. Thao tác xem thông tin nợ

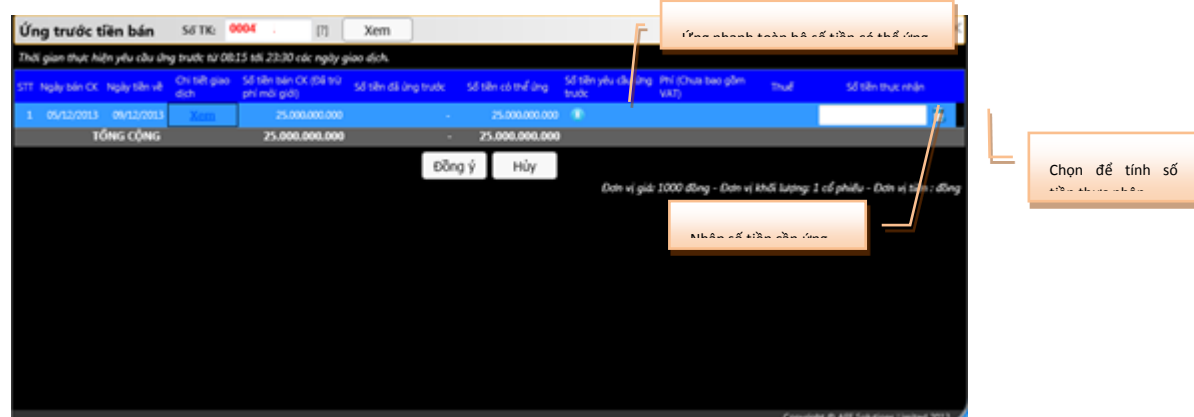
3.15 Quản lý chức năng tiện ích (FO_UF)

3.15.1 Quản lý chức năng ứng trước tiền bán (FO_UF_CA)

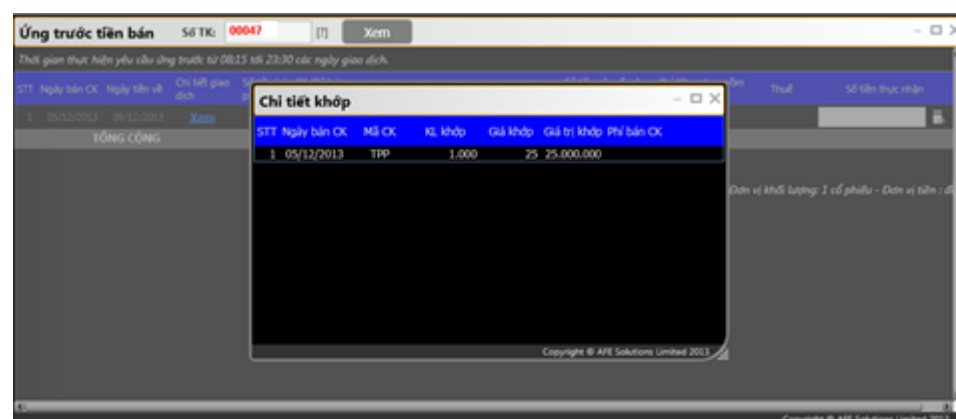
3.15.1.1 Yêu cầu ứng trước tiền bán



65. Thao tác vào thực hiện tạo yêu cầu ứng trước tiền bán



66. Yêu cầu ứng trước tiền bán

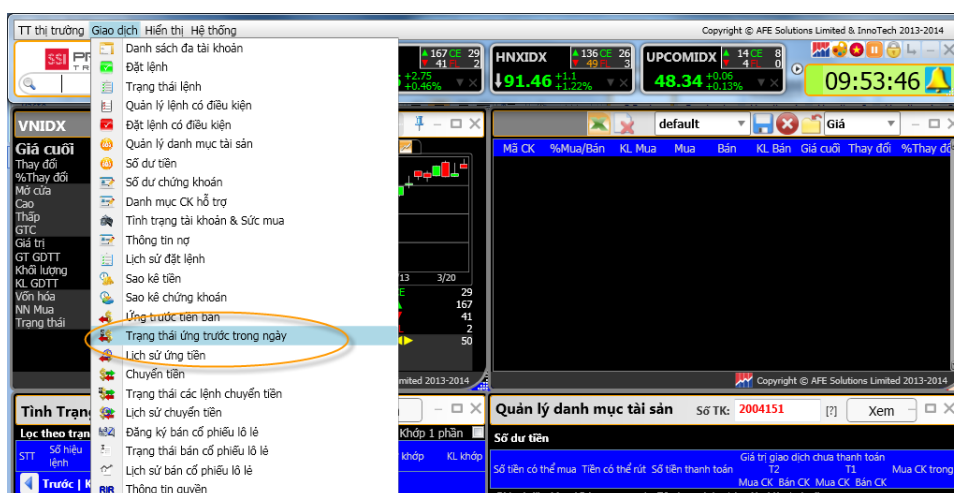


67. Màn hình xem chi tiết khớp lệnh bán

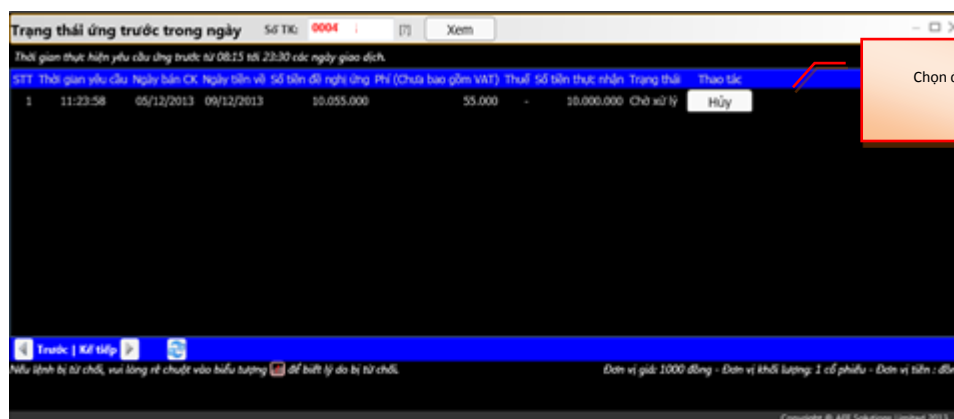


68.Xác nhận yêu cầu ứng trước tiền bán

3.15.1.2 Trạng thái ứng trước tiền bán

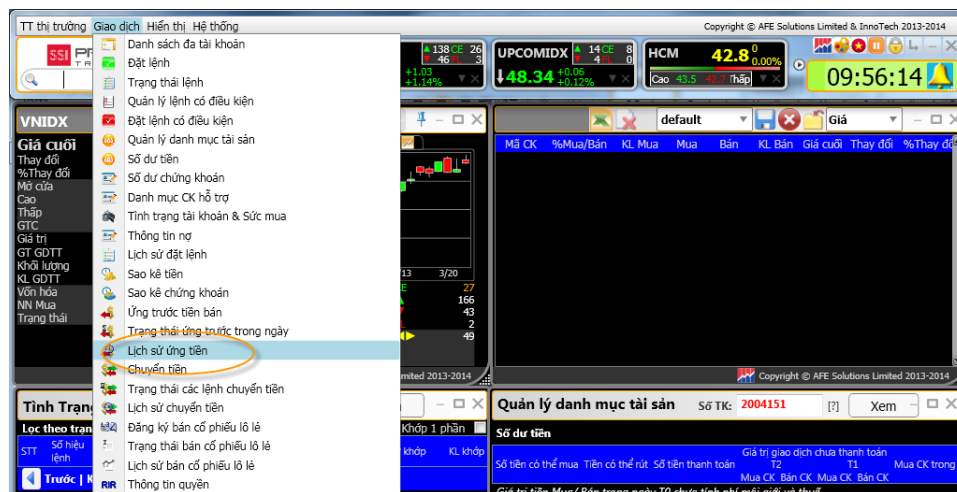


69.Thao tác vào xem trạng thái các yêu cầu ứng trước



70. Xem trạng thái các yêu cầu ứng trước

3.15.1.3 Lịch sử ứng trước tiền bán



71. Thao tác vào xem danh sách lịch sử ứng trước

Lịch sử ứng tiền									
Số TK: 0004		Xem							
Từ ngày	07/10/2013	Đến ngày	07/12/2013	Trạng thái	Toàn Bộ	Tìm kiếm			
STT	Thời gian yêu cầu	Ngày bán CK	Ngày tiền về	Số tiền để ứng	Phí (Chưa bao gồm VAT)	Thuế	Số tiền thực nhận	Trạng thái	
1	05/12/2013 - 15:38:28	03/12/2013	06/12/2013	3.055.000	55.000	0	3.000.000	Đã hủy	
2	05/12/2013 - 15:36:17	03/12/2013	06/12/2013	2.055.000	55.000	0	2.000.000	Đã hủy	
3	25/11/2013 - 23:29:15	22/11/2013	26/11/2013	10.055.000	55.000	0	10.000.000	Đã hủy	
4	25/11/2013 - 23:11:41	22/11/2013	26/11/2013	955.000	55.000	0	900.000	Đã hủy	
5	21/11/2013 - 21:19:49	21/11/2013	25/11/2013	955.000	55.000	0	900.000	Đã hủy	
6	14/11/2013 - 18:44:08	12/11/2013	15/11/2013	32.178.400	55.000	0	32.123.400	Đã hủy	
7	14/11/2013 - 15:37:32	12/11/2013	15/11/2013	55.500	55.000	0	500	Đã hủy	
8	14/11/2013 - 15:36:14	12/11/2013	15/11/2013	55.010	55.000	0	10	Đã hủy	
9	14/11/2013 - 15:20:21	12/11/2013	15/11/2013	1.055.000	55.000	0	1.000.000	Bị từ chối	
10	14/11/2013 - 15:02:12	12/11/2013	15/11/2013	4.945.000	55.000	0	4.890.000	Đã xử lý	

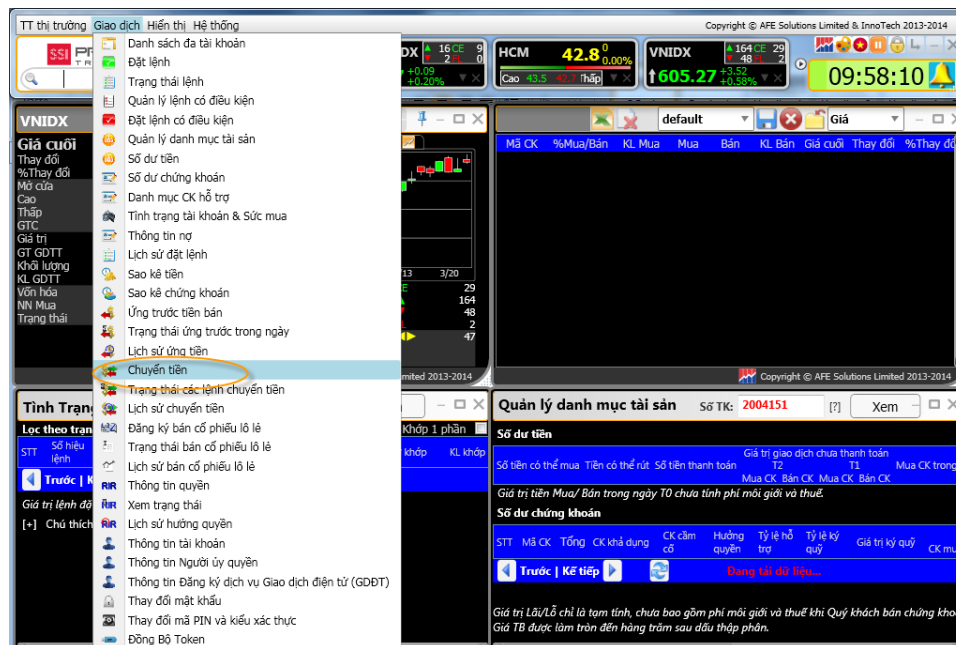
72. Xem danh sách lịch sử ứng tiền

Lịch sử ứng tiền									
Số TK: 0004		Xem							
Từ ngày	07/10/2013	Đến ngày	07/12/2013	Trạng thái	Toàn Bộ	Tìm kiếm			
STT	Thời gian yêu cầu	Ngày bán CK	Ngày tiền về	Số tiền để ứng	Phí (Chưa bao gồm VAT)	Thuế	Số tiền thực nhận	Trạng thái	
1	05/12/2013 - 15:38:28	03/12/2013	06/12/2013	3.055.000	55.000	0	3.000.000	Đã hủy	
2	05/12/2013 - 15:36:17	03/12/2013	06/12/2013	2.055.000	55.000	0	2.000.000	Đã hủy	
3	25/11/2013 - 23:29:15	22/11/2013	26/11/2013	10.055.000	55.000	0	10.000.000	Đã hủy	
4	25/11/2013 - 23:11:41	22/11/2013	26/11/2013	955.000	55.000	0	900.000	Đã hủy	
5	21/11/2013 - 21:19:49	21/11/2013	25/11/2013	955.000	55.000	0	900.000	Đã hủy	
6	14/11/2013 - 18:44:08	12/11/2013	15/11/2013	32.178.400	55.000	0	32.123.400	Đã hủy	
7	14/11/2013 - 15:37:32	12/11/2013	15/11/2013	55.500	55.000	0	500	Đã hủy	
8	14/11/2013 - 15:36:14	12/11/2013	15/11/2013	55.010	55.000	0	10	Đã hủy	
9	14/11/2013 - 15:20:21	12/11/2013	15/11/2013	1.055.000	55.000	0	1.000.000	Bị từ chối	
10	14/11/2013 - 15:02:12	12/11/2013	15/11/2013	4.945.000	55.000	0	4.890.000	Đã xử lý	

73. Hỗ trợ lọc thông tin theo trạng thái yêu cầu ứng tiền

3.15.2 Quản lý chức năng chuyển tiền (FO_UF_MT)

3.15.2.1 Yêu cầu chuyển tiền



74. Thao tác vào tạo yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.1.1 Yêu cầu chuyển tiền đến TK ngân hàng cùng tên

Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 00041 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Người chuyển

Họ tên: _____ Ng: _____
Số CMND/ Hộ chiếu 02: _____
Số tài khoản tại SSI: 00

Loại yêu cầu

☒ Tài khoản Ngân hàng cùng tên ☐ Tài khoản Ngân hàng đã đăng ký trước ☐ Chuyển khoản nội bộ

Người nhận

Quý khách vui lòng nhập tiếng Việt có dấu.

Họ tên: _____ Ng: _____
Số tài khoản nhận tiền: 02 _____
Ngân hàng: VCB (*) Quý khách vui lòng nhập đầy đủ Tên ngân hàng và chi nhánh.
Chi nhánh - Tỉnh/ TP: HCM

Số tiền có thể chuyển: 336.555.800 Số tiền có thể chuyển được làm tròn xuống đến hàng trăm đồng.

Số tiền chuyển: 300.000 [?]
Đơn vị tiền: VND

Loại phí: ☒ Phí do người chuyển trả ☐ Phí do người nhận trả

Nội dung chuyển tiền: _____
Chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng cùng tên

Xác nhận Hủy

75. Yêu cầu chuyển tiền ngân hàng cùng tên



Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 0004 1 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

⚡ Quý khách vui lòng kiểm tra lại thông tin yêu cầu

Người chuyển

Họ tên: Ng
Số CMND/ Hộ chiếu: 022
Số tài khoản tại SSI: 000
Chuyển tới: Tài khoản Ngân hàng cùng tên

Người nhận

Họ tên: Ng
Số tài khoản nhận tiền: 00
Ngân hàng: VC
Chi nhánh - Tỉnh/ TP: HCM
Số tiền chuyển: 300.000
Loại phí: Phí do người nhận trả
Nội dung chuyển tiền: Chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng cùng tên

⚡ Quý khách vui lòng nhập Mã xác thực & nhấn "Đồng ý" để xác nhận yêu cầu

Mã PIN: []

Xác nhận Hủy Quay lại

76. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.1.2 Yêu cầu chuyển tiền đến TK ngân hàng đăng ký trước

Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 0004 1 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Người chuyển

Họ tên: Ng
Số CMND/ Hộ chiếu: 02
Số tài khoản tại SSI: 00

Loại yêu cầu

☐ Tài khoản Ngân hàng cùng tên ☒ Tài khoản Ngân hàng đã đăng ký trước ☐ Chuyển khoản nội bộ

1.000.000.000 - VietinBank

Người nhận

Quý khách vui lòng nhập tiếng Việt có dấu.

Họ tên: Ng
Số tài khoản nhận tiền: 119
Ngân hàng: VietinBank
Chi nhánh - Tỉnh/ TP: HCM
Số tiền có thể chuyển: 336.255.800
Số tiền chuyển: 255.800 [?]

Đơn vị tiền: VNĐ ☒ Phí do người chuyển trả ☐ Phí do người nhận trả

Nội dung chuyển tiền: Chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng đăng ký trước

Xác nhận Hủy

77. Yêu cầu chuyển tiền đến ngân hàng đăng ký trước

Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 0004 1 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

⚡ Quý khách vui lòng kiểm tra lại thông tin yêu cầu

Người chuyển

Họ tên: Nguyễn
Số CMND/ Hộ chiếu: 02
Số tài khoản tại SSI: 00
Chuyển tới: Tài khoản Ngân hàng đã đăng ký trước

Người nhận

Họ tên: Ng
Số tài khoản nhận tiền: 1191
Ngân hàng: VietinBank
Chi nhánh - Tỉnh/ TP: HCM
Số tiền chuyển: 255.800
Loại phí: Phí do người chuyển trả
Nội dung chuyển tiền: Chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng đăng ký trước

⚡ Quý khách vui lòng nhập Mã xác thực & nhấn "Đồng ý" để xác nhận yêu cầu

Mã PIN: []

Xác nhận Hủy Quay lại

78. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.1.3 Yêu cầu chuyển tiền đến TK nội bộ

Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 000-71 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Người chuyển

Họ tên: Ngụ
Số CMND/ Hộ chiếu: 022
Số tài khoản tại SSI: 000

Loại yêu cầu

☐ Tài khoản Ngân hàng cùng tên
☐ Tài khoản Ngân hàng đã đăng ký trước
☒ Chuyển khoản nội bộ

Mã tài khoản: 0160691 - Phạm Thị Minh Nguyệt

Người nhận

Quý khách vui lòng nhập tiếng Việt có dấu.
Họ tên: Phạm
Số tài khoản nhận tiền: 0160
Số tiền có thể chuyển: 336.000.000
Số tiền chuyển: 36.000.000 [?]
Đơn vị tiền: VND

Nội dung chuyển tiền

Chuyển tiền đến tài khoản nội bộ

Xác nhận Hủy

79. Yêu cầu chuyển tiền đến TK nội bộ

Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 00047 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Người chuyển

Họ tên: Ngụ
Số CMND/ Hộ chiếu: 02
Số tài khoản tại SSI: 000

Loại yêu cầu

☐ Tài khoản Ngân hàng cùng tên
☐ Tài khoản Ngân hàng đã đăng ký trước
☒ Chuyển khoản nội bộ

Mã tài khoản: 0004776 - Nguyễn Đình Lập

Người nhận

000...76 - Nguyễn Đình Lập
016...21 - Phạm Thị Minh Nguyệt
0160...6 - Phạm Thị Minh Nguyệt

Quý khách vui lòng nhập tiếng Việt có dấu.
Họ tên: Ngụ
Số tài khoản nhận tiền: 00
Số tiền có thể chuyển: 336.000.000
Số tiền chuyển: 0 [?]
Đơn vị tiền: VND

Nội dung chuyển tiền

Xác nhận Hủy

80. Xem danh sách TK nội bộ

Yêu cầu chuyển tiền Số TK: 00047 [?] Tìm kiếm

Các yêu cầu chuyển khoản sau 14h30 sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

⚠️ Quý khách vui lòng kiểm tra lại thông tin yêu cầu

Người chuyển

Họ tên: Ngụ
Số CMND/ Hộ chiếu: 022
Số tài khoản tại SSI: 000...
Chuyển tới: Chuyển khoản nội bộ

Người nhận

Họ tên: Ph
Số tài khoản nhận tiền: 01
Số tiền chuyển: 36.000.000
Nội dung chuyển tiền: Chuyển tiền đến tài khoản nội bộ

⚠️ Quý khách vui lòng nhập Mã xác thực & nhấn "Đồng ý" để xác nhận yêu cầu

Mã PIN: *****

Xác nhận Hủy Quay lại

81. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



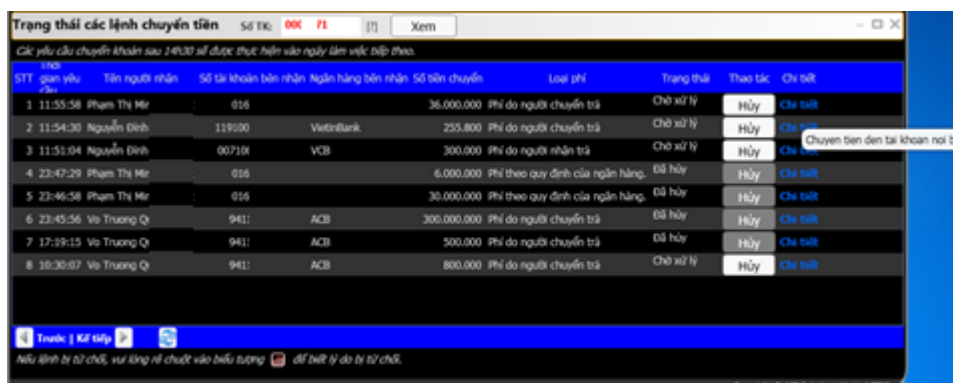
3.15.2.2 Trạng thái các yêu cầu chuyển tiền



82. Thao tác vào xem danh sách trạng thái chuyển tiền



83. Danh sách trạng thái lệnh chuyển tiền



84. Xem chi tiết thông tin chuyển tiền

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

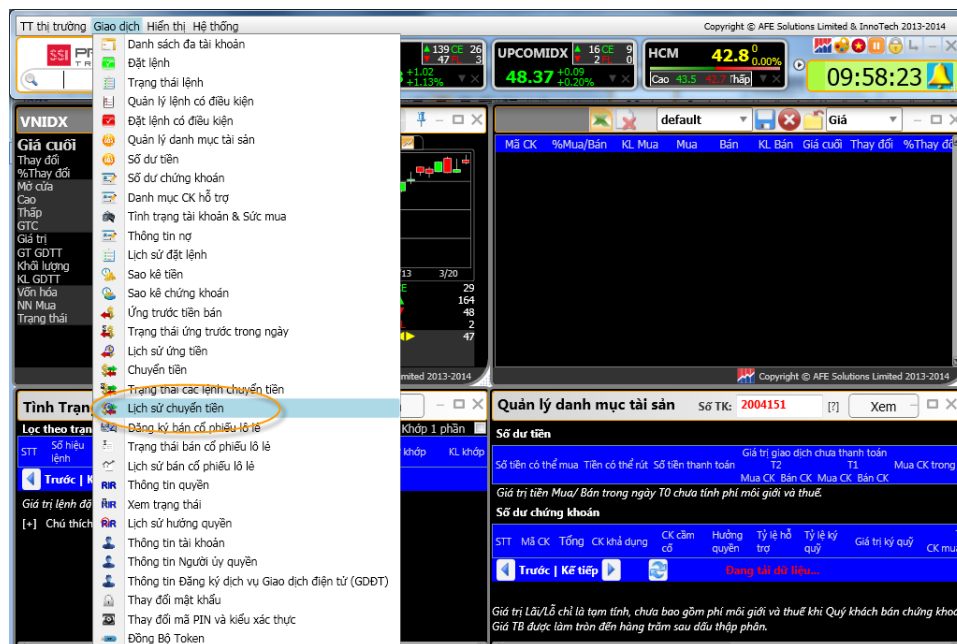
Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường



3.15.2.3 Lịch sử yêu cầu chuyển tiền



85. Thao tác vào xem danh sách lịch sử chuyển tiền

Lịch sử chuyển tiền

Số TK: 0004

[T] Xem

Từ ngày

01/10/2013

Đến ngày

07/12/2013

Số tài khoản bên nhận

Trạng thái

Tất cả

Tìm kiếm

STT	Thời gian yêu cầu	Tên người nhận	Số tài khoản bên nhận	Ngân hàng bên nhận	Số tiền chuyển	Loại phí	Trạng thái	Chi tiết
1	03/12/2013 - 14:19:06	Nguyễn Đình	000		326.055.800		Đã hủy	Chi tiết
2	03/12/2013 - 14:16:59	Nguyễn Đình	000		10.000.000		Đã hủy	Chi tiết
3	27/11/2013 - 08:11:51	Phạm Thị M	016		100.000.000		Đã hủy	Chi tiết
4	27/11/2013 - 08:04:28	Phạm Thị M	016		100.000.000		Đã hủy	Chi tiết
5	27/11/2013 - 08:00:53	Vào Trương Q	9411	ACB	100.000.000	Phí theo quy định của ngân hàng.	Đã hủy	Chi tiết
6	25/11/2013 - 23:52:19	Nguyễn Đình	000		100.000.000	Phí theo quy định của ngân hàng.	Đã hủy	Chi tiết
7	25/11/2013 - 23:48:19	Vào Trương Q	9411	ACB	100.000.000	Phí do người chuyển trả	Đã hủy	Chi tiết
8	21/11/2013 - 12:05:53	Nguyễn Đình	1234	999	500.000	Phí do người chuyển trả	Đã hủy	Chi tiết
9	21/11/2013 - 12:05:24	Vào Trương Q	9411	ACB	500.000	Phí do người chuyển trả	Đã hủy	Chi tiết
10	21/11/2013 - 09:27:30	Nguyễn Đình	119100	Vietcombank	500.000	Phí do người chuyển trả	Đã hủy	Chi tiết

Trở lại | Kế tiếp

Đã hủy chỉ được truy vấn trong 3 tháng.

Nếu lệnh bị từ chối, vui lòng rút chuyển vào biểu tượng để biết lý do bị từ chối.

Chuyển tiền từ mobile

86. Xem danh sách lịch sử chuyển tiền

Lịch sử chuyển tiềnSố TK: 0004: Xiem

Từ ngày01/10/2013Đến ngày07/12/2013Số tài khoản bên nhậnTrạng tháiTất cảTìm kiếm

STT	Thời gian yêu cầu	Tên người nhận	Số tài khoản bên nhận	Ngân hàng bên nhận	Số tiền chuyển	Loại phí	Trạng thái	Chi tiết
41	14/11/2013 - 17:50:18	Nguyễn Đình Lập	0004076		400.000	Phí do người chuyển trả	Đã xử lý	Chi tiết
42	14/11/2013 - 17:50:01	Nguyễn Đình Lập	1191000005000	Vietcombank	100.000.000	Phí do người nhận trả	Đã xử lý	Chi tiết
43	14/11/2013 - 17:49:25	Nguyễn Đình Lập	94114357	ACB	250.000	Phí do người nhận trả	Đã xử lý	Chi tiết
44	14/11/2013 - 17:36:48	Phạm Thị Minh Nguyệt	0160691		500.000	Phí theo quy định của ngân hàng.	Bị từ chối	Chi tiết
45	14/11/2013 - 17:36:35	Vào Trương Q	94114359	ACB	10.000.000	Phí do người chuyển trả	Đã hủy	Chi tiết
46	14/11/2013 - 17:36:19	Nguyễn Đình Lập	12345678	vcb	900.000	Phí do người chuyển trả	Đã hủy	Chi tiết
47	14/11/2013 - 17:27:46	Phạm Thị Minh Nguyệt	0160691		200.000	Phí do người chuyển trả	Đã xử lý	Chi tiết
48	14/11/2013 - 17:27:12	Vào Trương Q	94114359	ACB	600.000	Phí do người nhận trả	Đã xử lý	Chi tiết

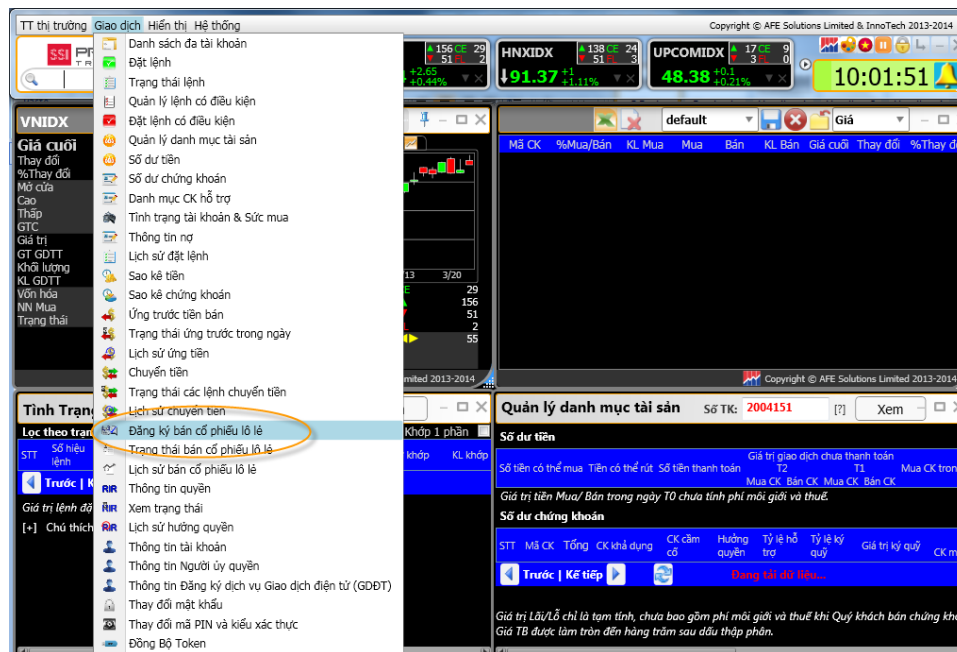
4 ExcelKế toán

Chỉ dữ chi được truy vấn trong 3 tháng
vào bình bị từ chối, nơi đăng ký chuyển vào hoặc ngược lại để bình bị do bị từ chối.

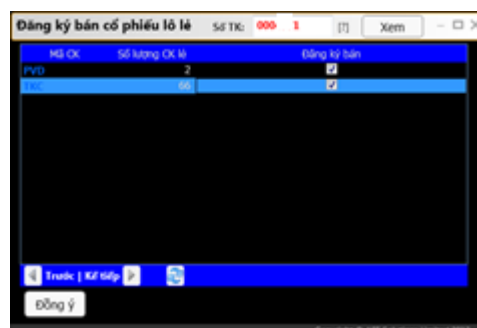
87. Nội dung lệnh chuyển tiền bị từ chối

3.15.3 Quản lý chức năng bán CP lô lẻ (FO_UF_SOR)

3.15.3.1 Đăng ký bán CP lô lẻ



88. Thao tác vào đăng ký bán CP lô lẻ

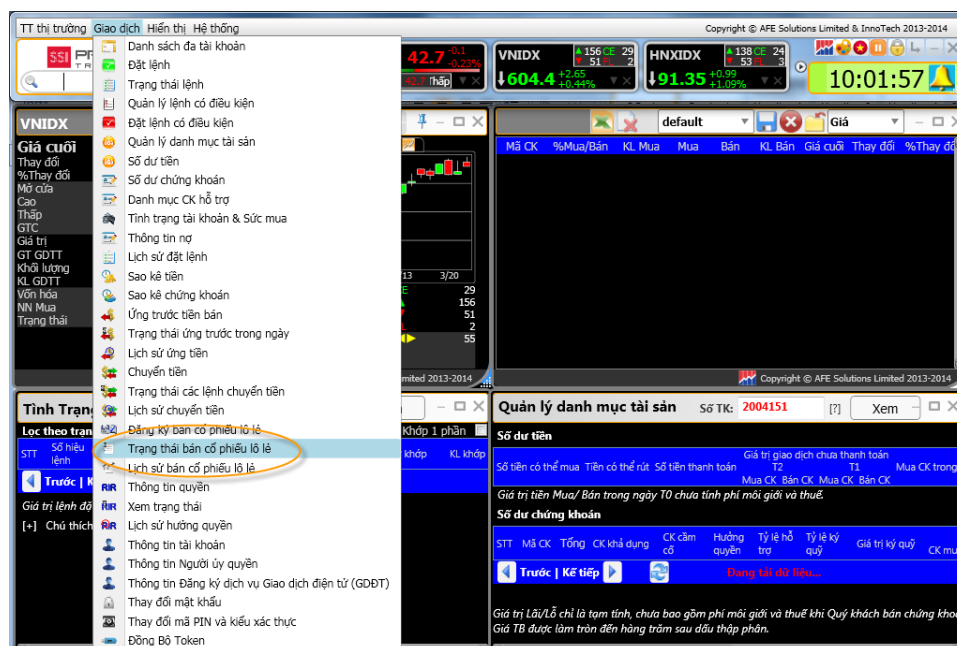


89. Màn hình đăng ký bán CP lô lẻ



90. Xác nhận đăng ký bán CP lô lẻ

3.15.3.2 Trạng thái bán CP lô lẻ

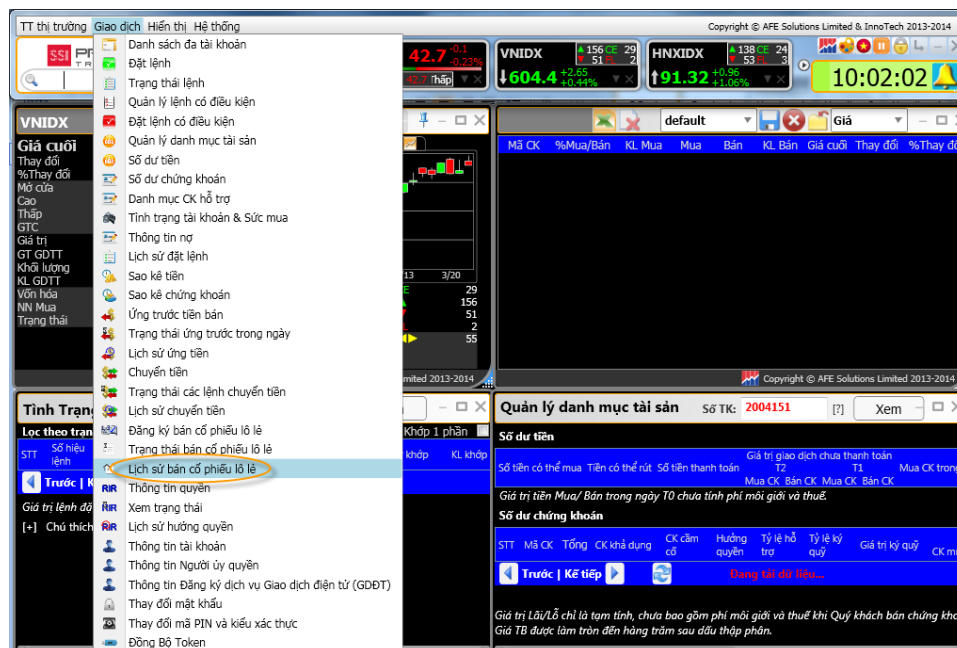


91. Thao tác vào xem trạng thái bán CP lô lẻ



92. Xem trạng thái bán CP lô lẻ

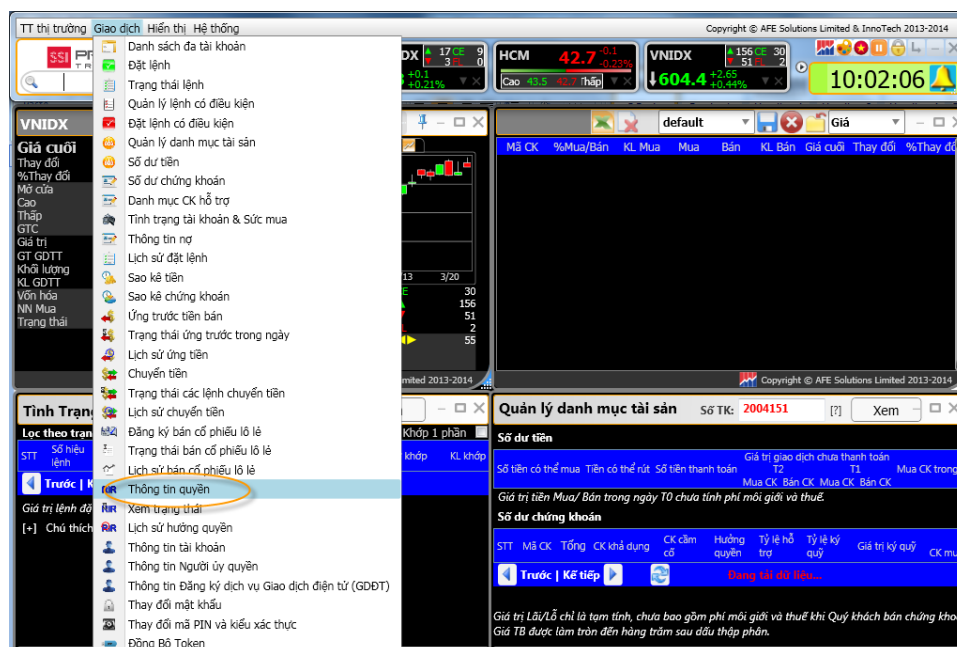
3.15.3.3 Lịch sử bán CP lô lẻ



93. Thao tác vào xem lịch sử bán CP lô lẻ

3.15.4 Quản lý chức năng thực hiện quyền mua (FO_UF_RIR)

3.15.4.1 Thông tin quyền



94. Thao tác xem thông tin quyền

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

Phiên bản: 1.0

Ngày tạo/thay đổi: 31/03/2014

Người lập: Lê Tường Vân

Người phê duyệt: Lại Tuấn Cường

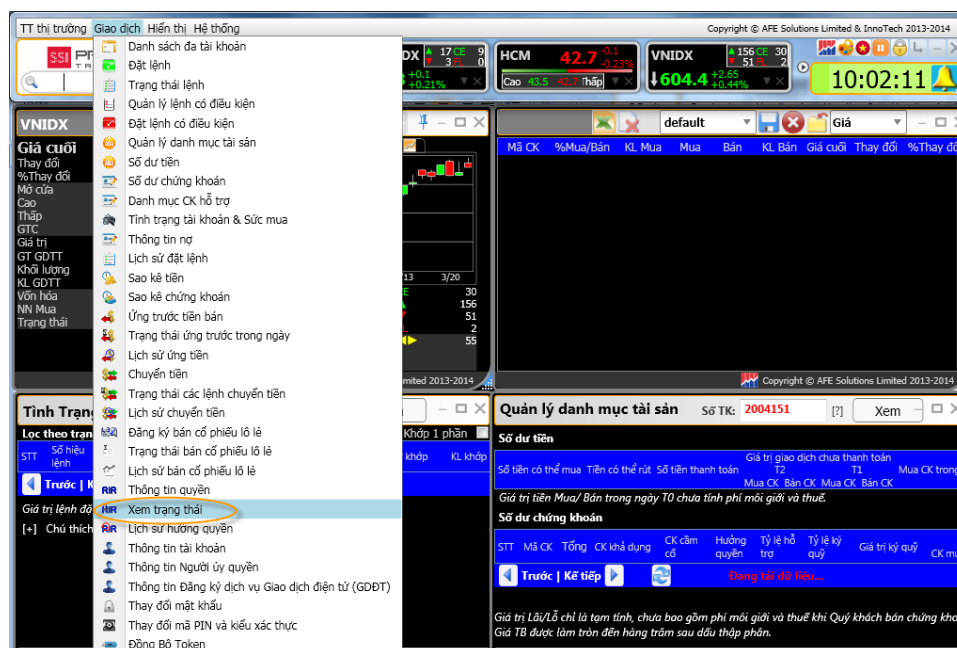


95. Xem thông tin quyền

96. Đăng ký thực hiện quyền mua

97. Xác nhận đăng ký thực hiện quyền mua

3.15.4.2 Trạng thái thực hiện quyền mua

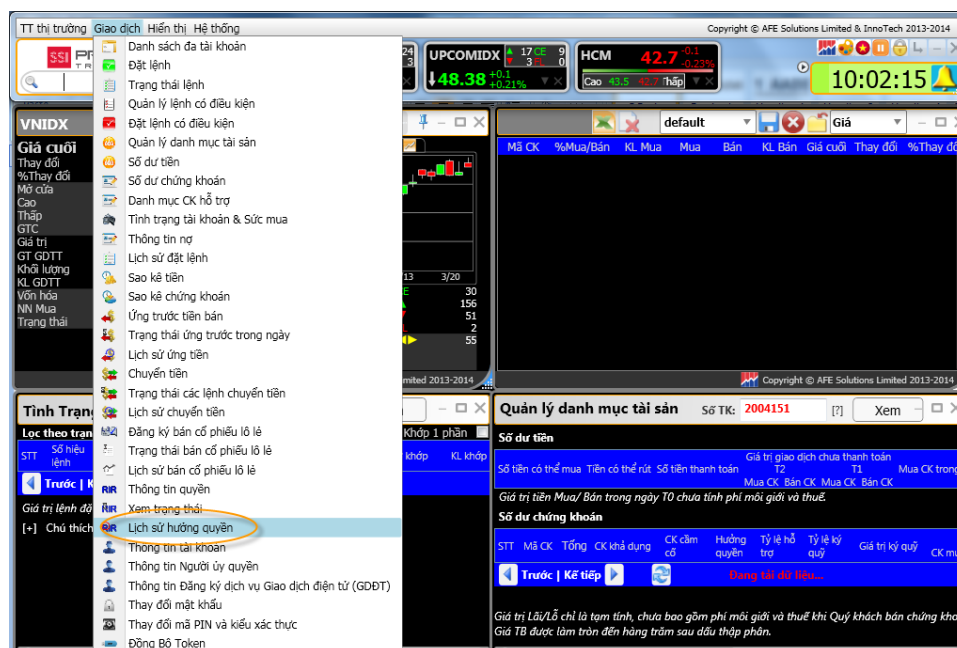


98. Thao tác xem trạng thái thực hiện quyền



99. Xem danh sách trạng thái đăng ký thực hiện quyền

3.15.4.3 Lịch sử hưởng quyền



100. Xem lịch sử hưởng quyền